

# THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

ThS GV. Phạm Huệ Minh

Khoa Công nghệ & Kỹ thuật



# NỘI DUNG

1. Tìm hiểu về vùng làm việc
2. Các công cụ tạo vùng chọn
3. Layer Palette
4. Công cụ tô, vẽ và hiệu chỉnh
5. Chế độ Quick Mask và Channel
6. Các kỹ thuật cơ bản về Pen Tool
7. Thiết kế và tối ưu hóa Web

# ADOBE PHOTOSHOP CS

9/2024

1. Giới thiệu chung Adobe Photoshop
2. Yêu cầu cấu hình máy và cài đặt.
3. Khai báo Preference để tạo môi trường làm việc.
4. Định dạng tập tin
5. Phân biệt ảnh vectơ và ảnh bitmap
6. Hiệu chỉnh màu
7. Các công cụ tạo vùng chọn
8. Các công cụ tô vẽ
9. Ghép hình
10. Hiệu chỉnh ảnh
11. Xử lý lớp ảnh Layer
12. Thiết kế và tối ưu hóa Web

ThS. Phạm Huệ Minh

# YÊU CẦU VỀ CÁU HÌNH, CÀI ĐẶT

9/2024

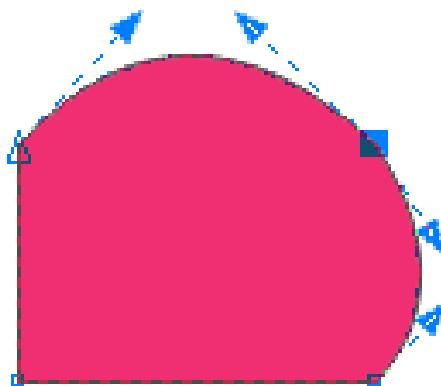
1. CPU: Intel® Pentium® 4 hay AMD Athlon® 64
2. Hệ điều hành: Microsoft® Windows XP Service Pack 3; Windows Vista® Home Premium, Business, Ultimate, hay Enterprise Service Pack 1; Windows 7, Windows 8 trở lên
3. RAM: 1GB
4. Ổ đĩa cài đặt trống: 1 GB cho cài đặt; một phần dung lượng trống khác trong quá trình cài đặt (không thể cài trên các thiết bị lưu trữ flash)

ThS. Phạm Huệ Minh

# PHÂN BIỆT ẢNH VECTO VÀ ẢNH BITMAP

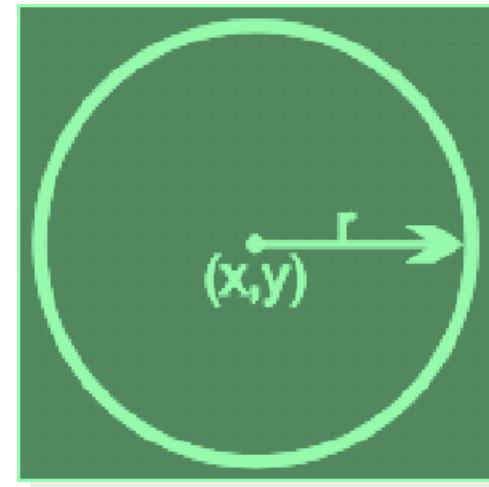
## Ảnh Vector

- Đồ họa Vector tạo ra các đoạn thẳng, đoạn cong được định nghĩa bằng các đối tượng toán học, giữ được độ rõ nét sắc sảo khi di chuyển, định kích thước, thay đổi màu.

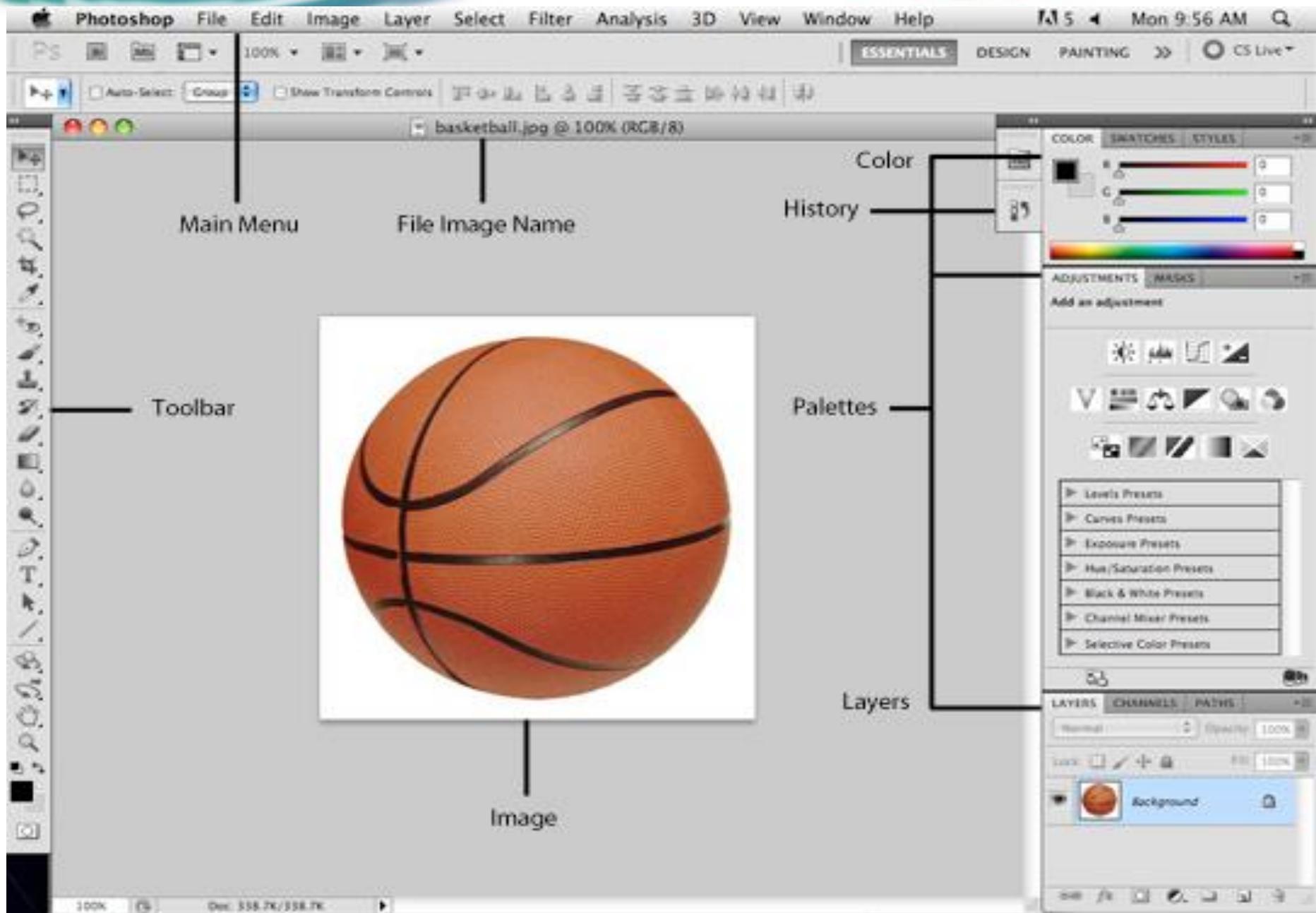


## Ảnh Bitmap

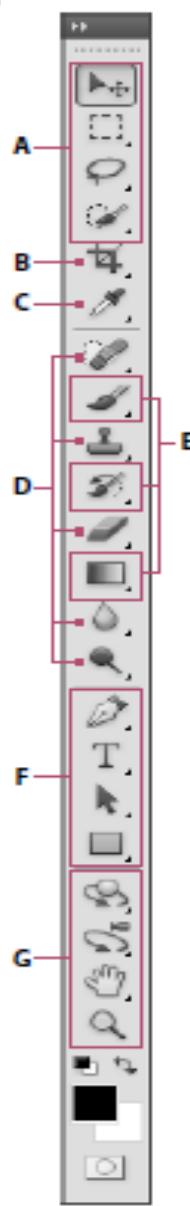
- Ảnh Bitmap (ảnh raster) là ảnh được tạo nên bởi một tập hợp các phần tử (pixel), thích hợp cho việc điều chỉnh màu chuyển tiếp. Nhược điểm là ảnh có thể bị mất độ chi tiết khi độ phân giải máy kém.



# GIAO DIỆN PHOTOSHOP (INTERFACE LAYOUT)



# GIAO DIỆN PHOTOSHOP (TOOLBOX)



## A Selection tools

- ➔ Move (V)\*
- □ Rectangular Marquee (M)
  - Elliptical Marquee (M)
  - Single Column Marquee
  - 
  - Single Row Marquee
- Lasso (L)
  - Polygonal Lasso (L)
  - Magnetic Lasso (L)
- Quick Selection (W)
  - Magic Wand (W)

## B Crop and slice tools

- ✏ Crop (C)
- Slice (C)
- Slice Select (C)

## C Measuring tools

- ⚡ Eyedropper (I)
- Color Sampler (I)
- Ruler (I)
- Note (I)
- 12<sup>3</sup> Count (I)†

## D Retouching tools

- ⚡ Spot Healing Brush (J)
- Healing Brush (J)
- Patch (J)
- Red Eye (J)
- ✏ Clone Stamp (S)
  - Pattern Stamp (S)

## E Painting tools

- Eraser (E)
- Background Eraser (E)
- Magic Eraser (E)
- Blur
- Sharpen
- Smudge
- Dodge (O)
- Burn (O)
- Sponge (O)

## F Drawing and type tools

- ⚡ Brush (B)
- Pencil (B)
- Color Replacement (B)
- Mixer Brush (B)
- ⚡ History Brush (Y)
- Art History Brush (Y)
- Gradient (G)
- Paint Bucket (G)

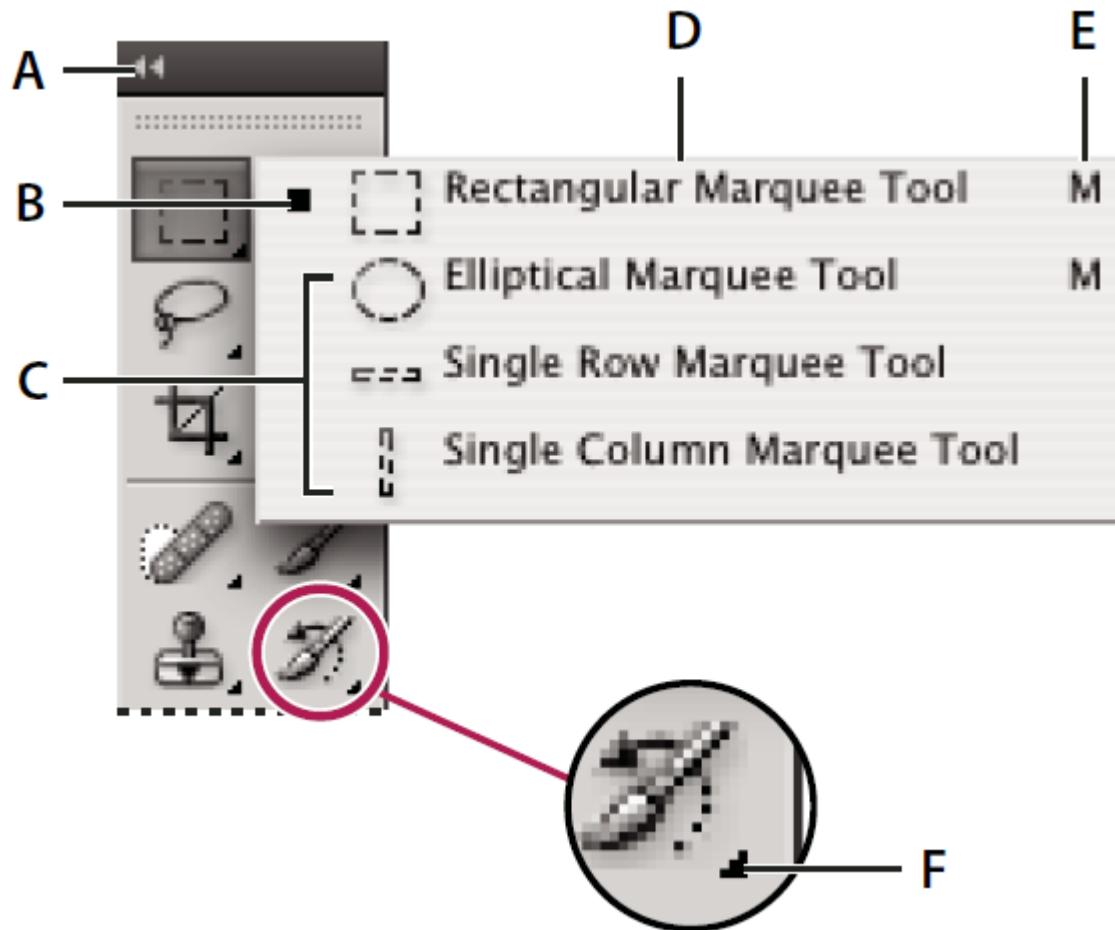
## G Navigation & 3D tools

- 3D Object Rotate (K)†
- 3D Object Roll (K)†
- 3D Object Pan (K)†
- 3D Object Slide (K)†
- 3D Object Scale (K)†
- 3D Rotate Camera (N)†
- 3D Roll Camera (N)†
- 3D Pan Camera (N)†
- 3D Walk Camera (N)†
- 3D Zoom Camera (N)†
- Hand (H)
- Rotate View (R)
- Zoom (Z)

# GIAO DIỆN PHOTOSHOP (TOOLBOX)

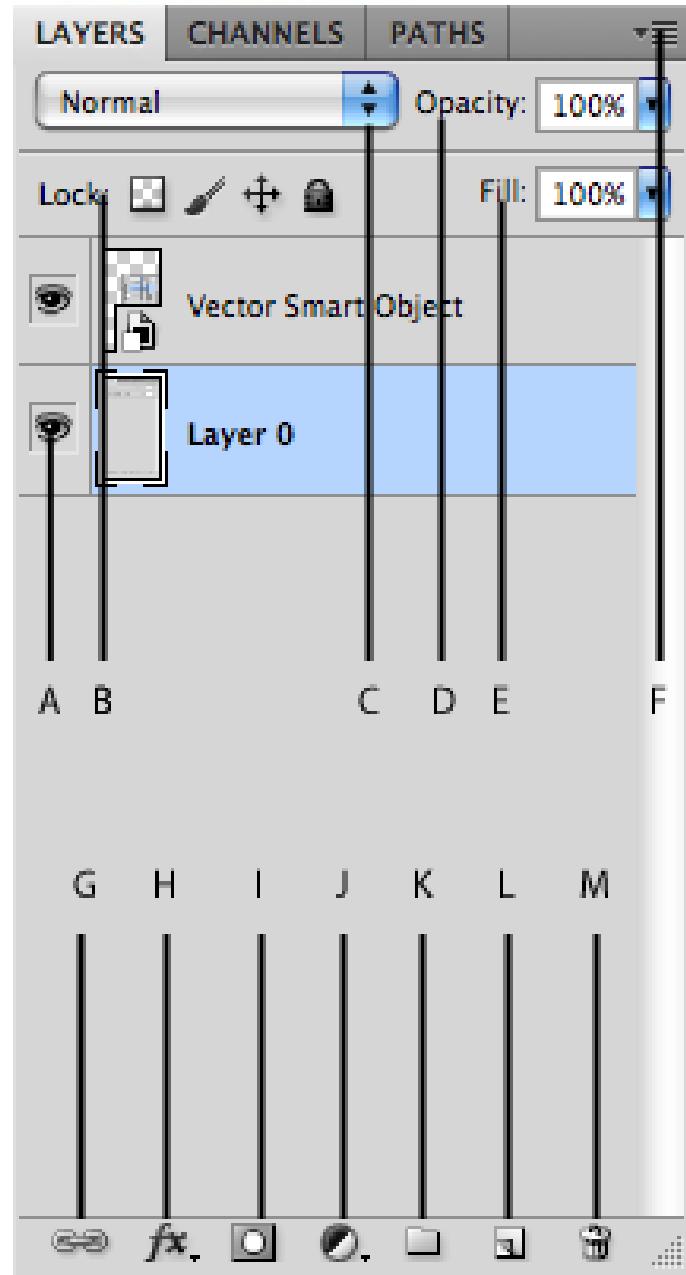
9/2024

Accessing tools: A. Tools panel B. Active tool C. Hidden tools D. Tool name E. Tool shortcut F. Hidden tool triangle



# GIAO DIỆN PHOTOSHOP (PALETTES)

- A. Ân hiện Layer
- B. Khóa Transparency, Image, Position.
- C. Hiệu ứng hòa trộn
- D. Độ trong suốt của toàn layer
- E. Độ trong suốt của ảnh hoặc đối tượng
- F. Khóa Layer
- G. Theo dõi các tùy chọn
- H. Liên kết các layer
- I. Hiệu ứng Layer Style
- J. Hiệu ứng mặt nạ Layer Mask
- K. Thiết lập ảnh với nhiều Layer, tạo thư mục cho nhiều Layer
- L. Tạo Layer mới
- M. Xóa Layer



# CHÉ ĐỘ XEM ẢNH (CÔNG CỤ ZOOM, HAND)

9/2024

## Cách 1: Chọn công cụ Zoom trong Toolbox

### Zoom

Magnifies or reduces the display of any area in your image window.



Select the tool, choose **Zoom In** or **Zoom Out** in the **Options** bar, click on the area of the image you wish to magnify or reduce.

- a. Chọn công cụ Zoom hoặc phím Z + Bấm vùng cần phóng to
- b. Kết hợp phím Alt + Bấm vùng cần thu nhỏ

## Cách 2: Phím tắt

- a. Phóng to: Ctrl + (phím +) hoặc Ctrl + Alt + (phím +)
- b. Thu nhỏ: Ctrl + (phím -) hoặc Ctrl + Alt + (phím -)
- c. **Đưa hình về tỷ lệ 100%: Ctrl + Alt + (0)**

## Cách 3: Lệnh Menu Window/ Navigator

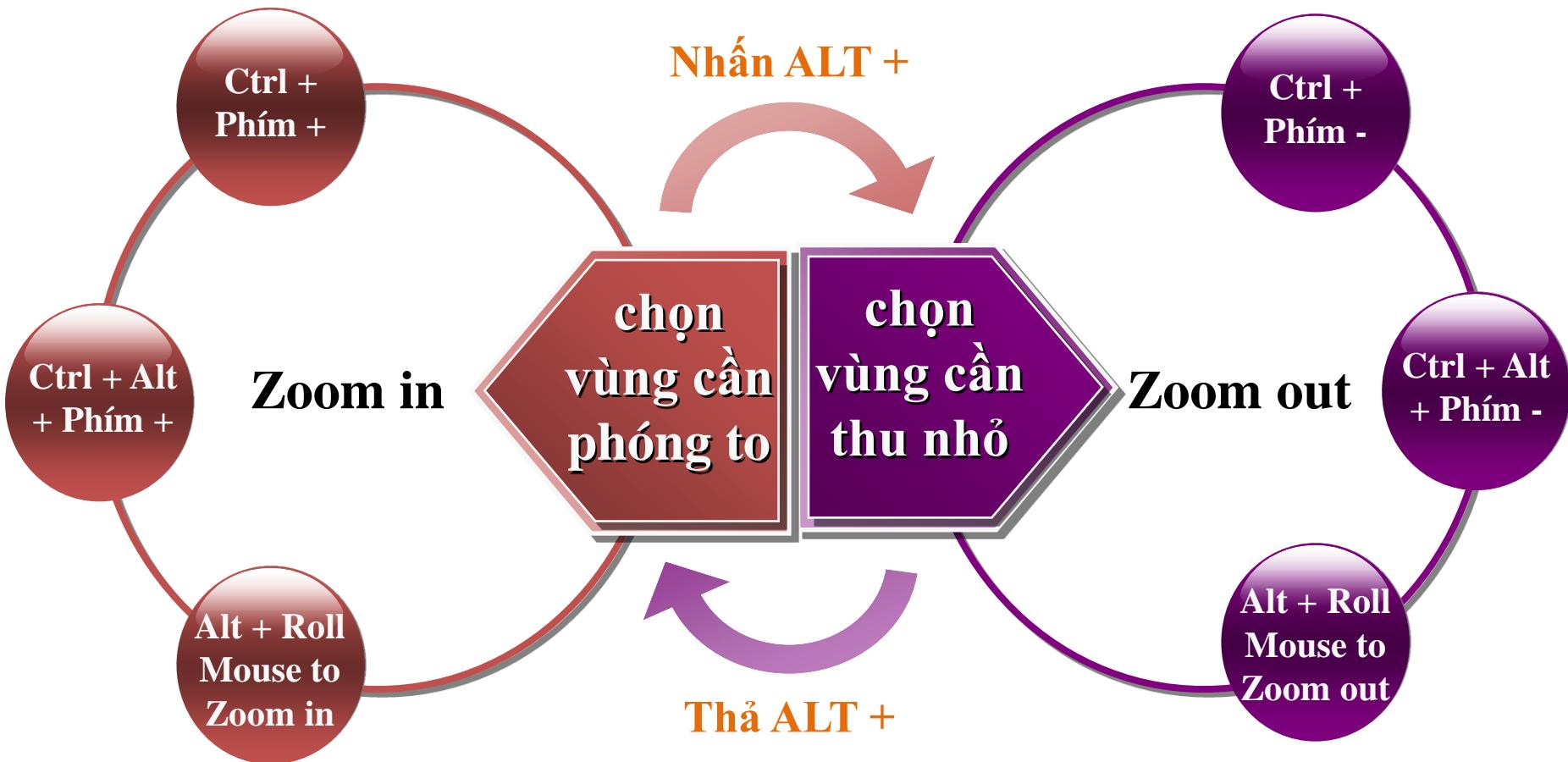
- a. Kéo Thanh trượt
- b. Nhập thông số

ThS. Phạm Huệ Minh

# CHẾ ĐỘ XEM ẢNH (CÔNG CỤ ZOOM, HAND)

9/2024

- Công cụ Zoom (Z) trên thanh Toolbox, phím tắt, sử dụng chuột



**Nhấn phím Ctrl+Alt + 0: chế độ hiển thị 100%**

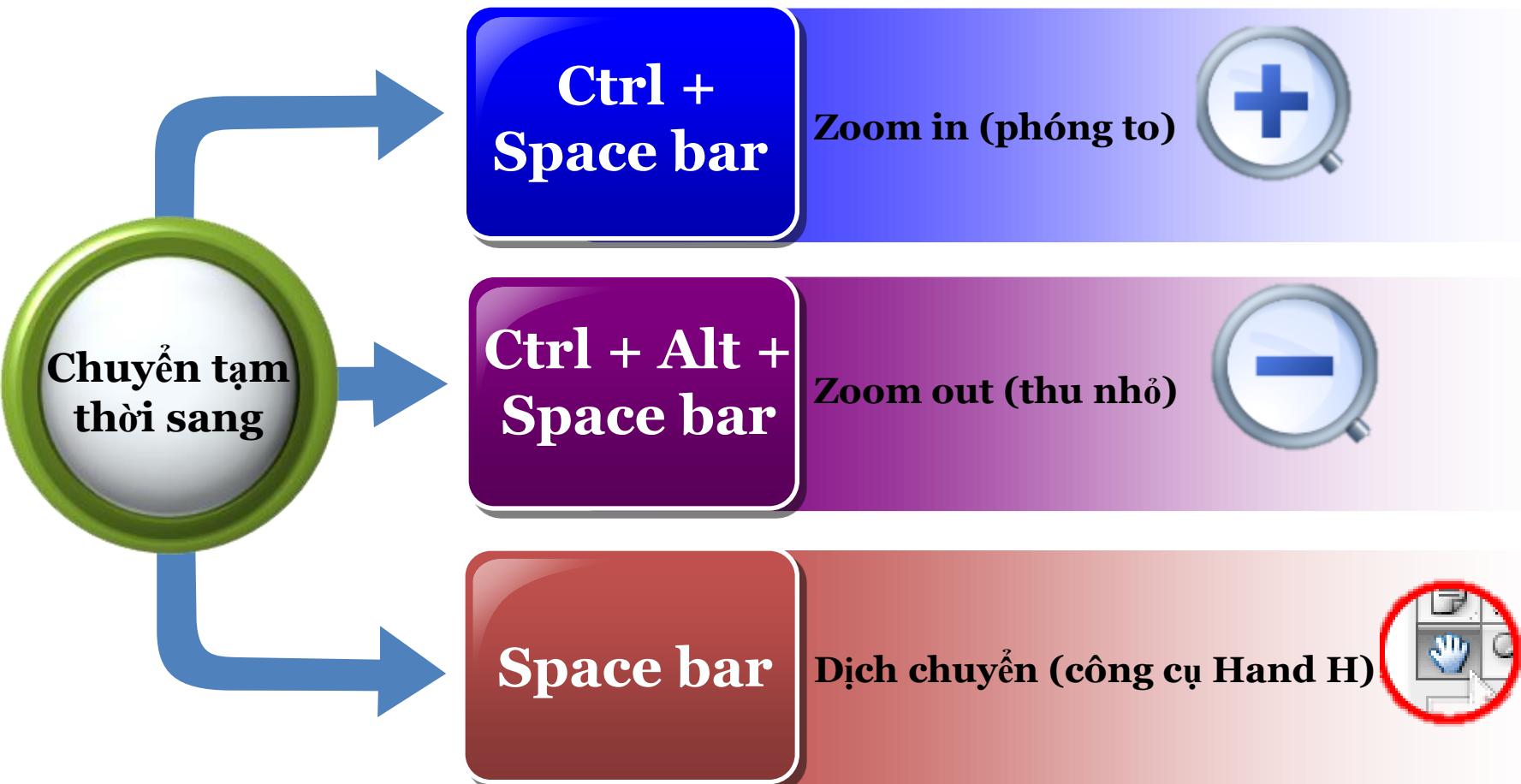
- Lệnh Menu Window/ Navigator: Trượt thanh trượt hay nhập thông số

ThS. Phạm Huệ Minh

# CHÉ ĐỘ XEM ẢNH (CÔNG CỤ ZOOM, HAND)

9/2024

Đang sử dụng một công cụ khác nhưng muốn phóng to thu nhỏ

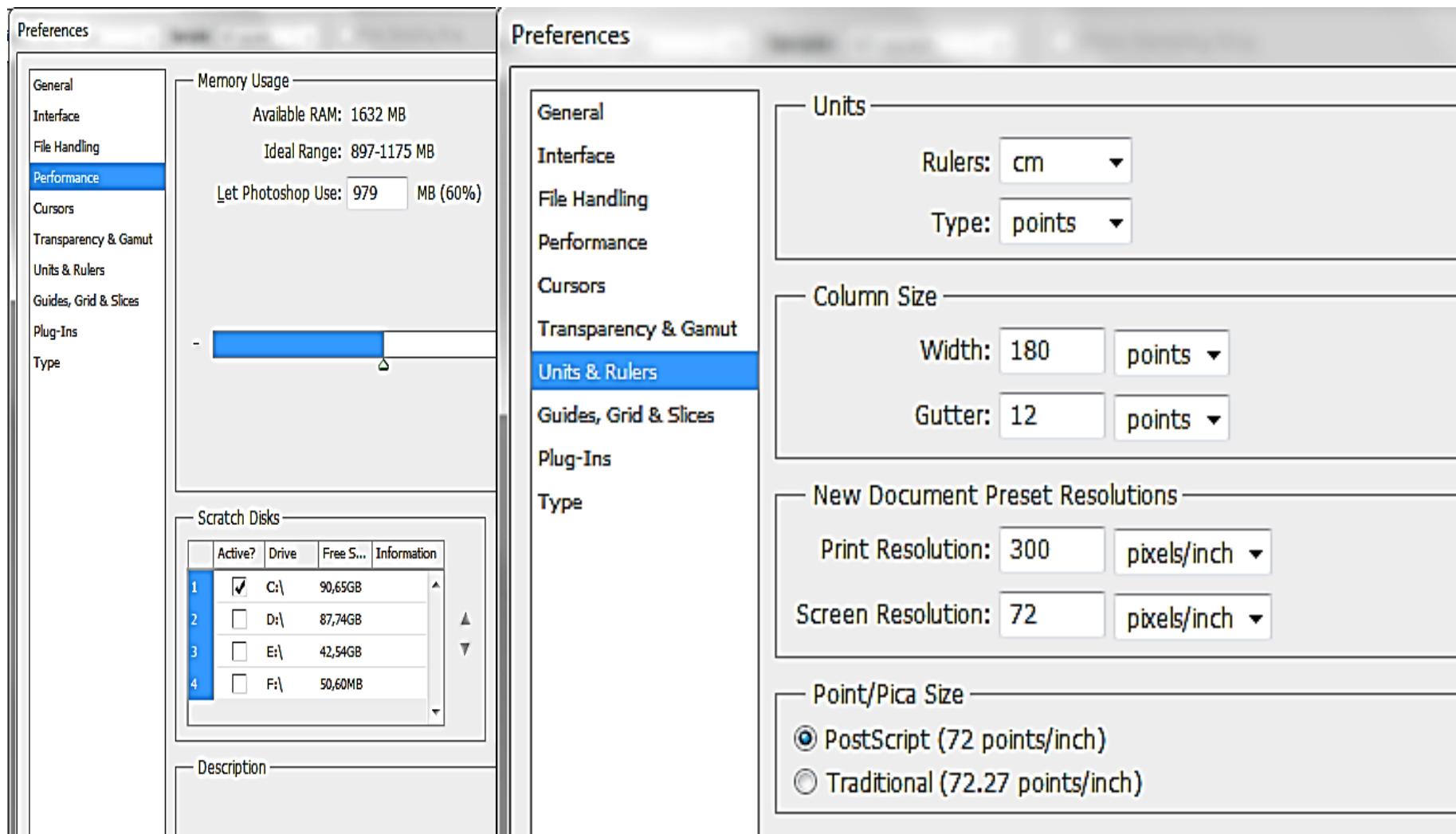


ThS. Phạm Huệ Minh

# THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG PREFERENCES

9/2024

## 1. Edit/ Preferences: thiết lập đơn vị đo, bộ nhớ phụ...

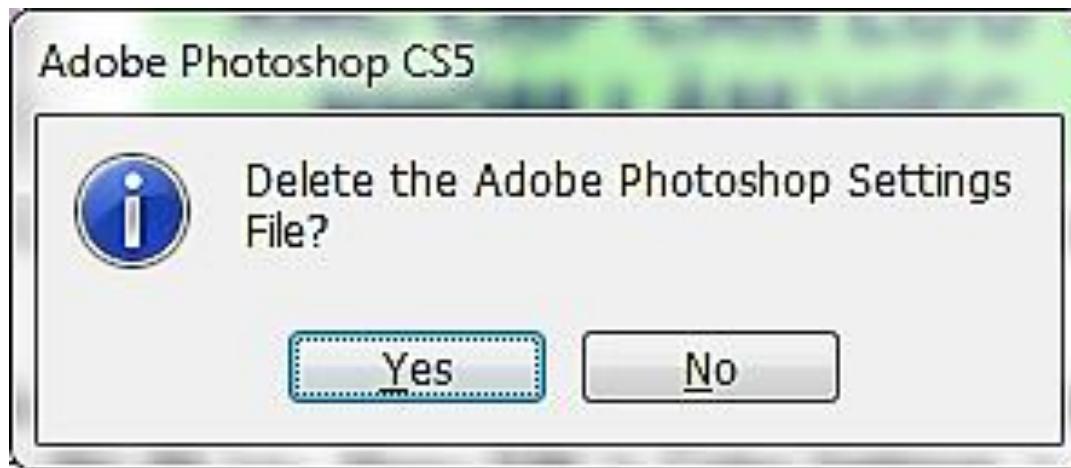


ThS. Phạm Huệ Minh

# THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG PREFERENCES

9/2024

- Nhấn và giữ tổ hợp Alt + Control + Shift ngay khi khởi động Photoshop, đến khi hiện ra thông báo, chọn Yes để xóa các xác lập hiện hành, trở lại xác lập mặc định của chương trình.

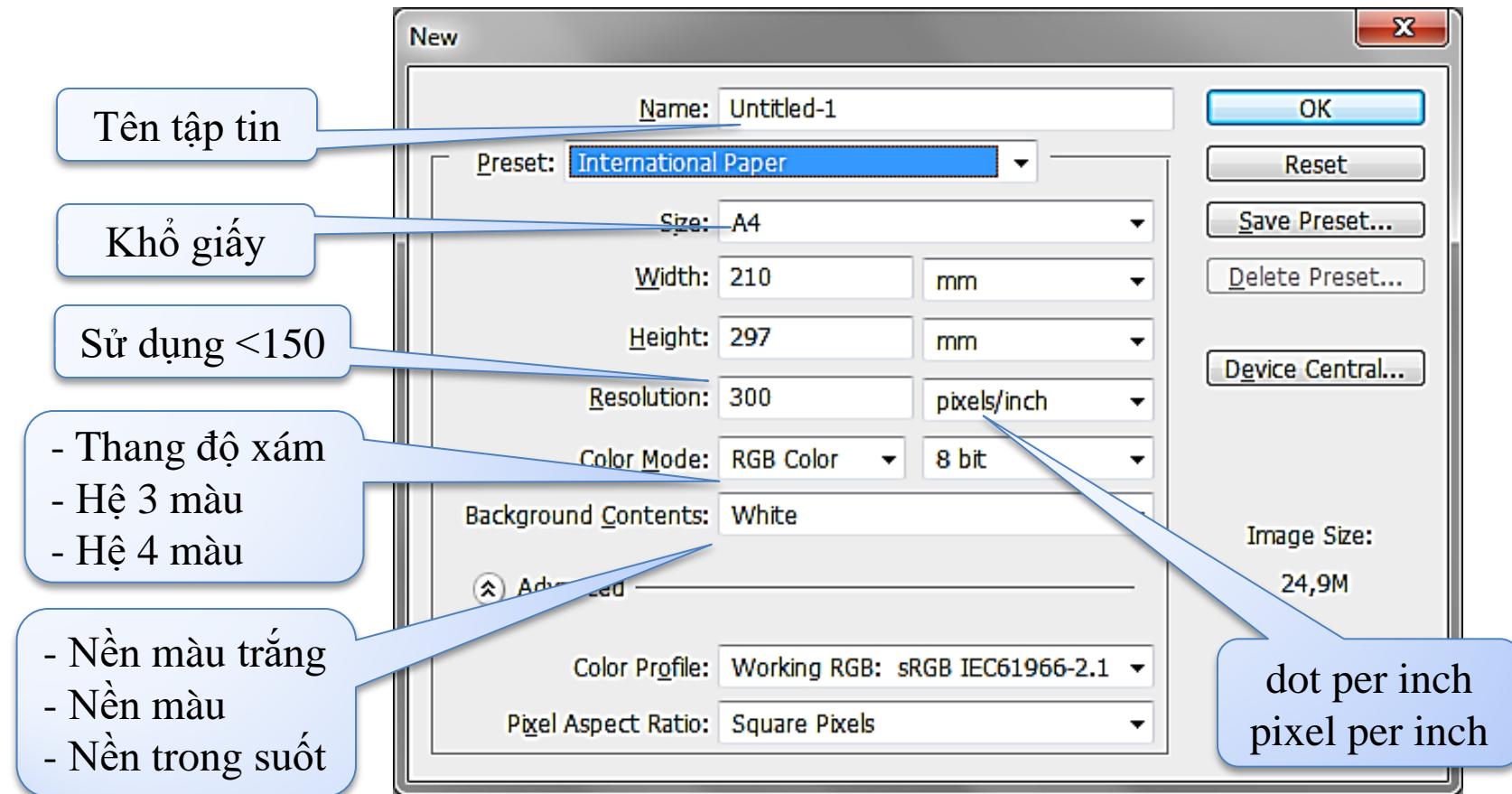


ThS. Phạm Huệ Minh

# ĐỊNH DẠNG TẬP TIN ẢNH MỚI

9/2024

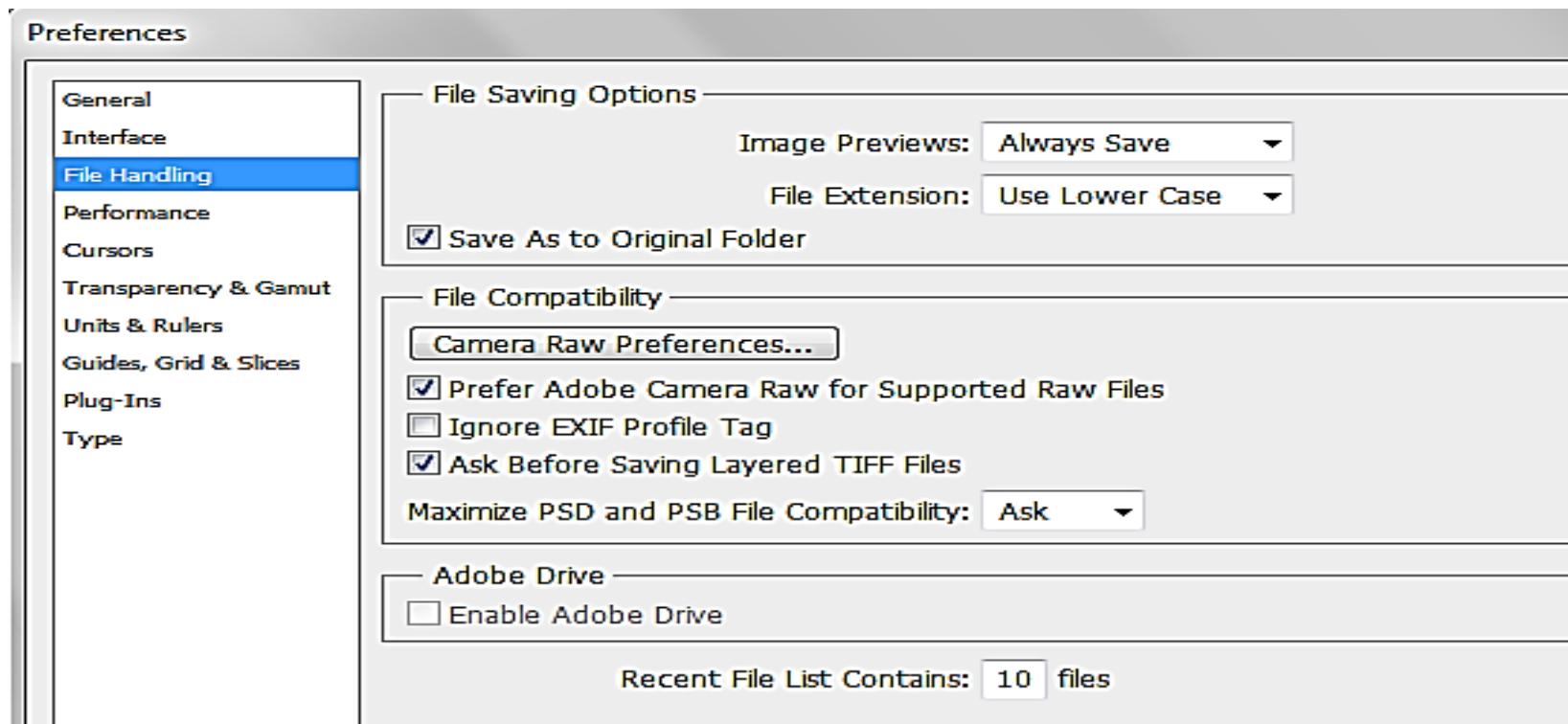
## 1. Tạo tập tin mới: File > New (hoặc Ctrl + N)/ Thiết lập



- Thiết lập tập tin giống tập tin đã có: Preset/Tên File đã có
- Nhân đôi tập tin ảnh: Image/Duplicate

# THAO TÁC VỚI ẢNH (SAVE)

## 1. Thiết lập Lưu tập tin Choose Edit > Preferences > File Handling.



## 2. Lưu tập tin

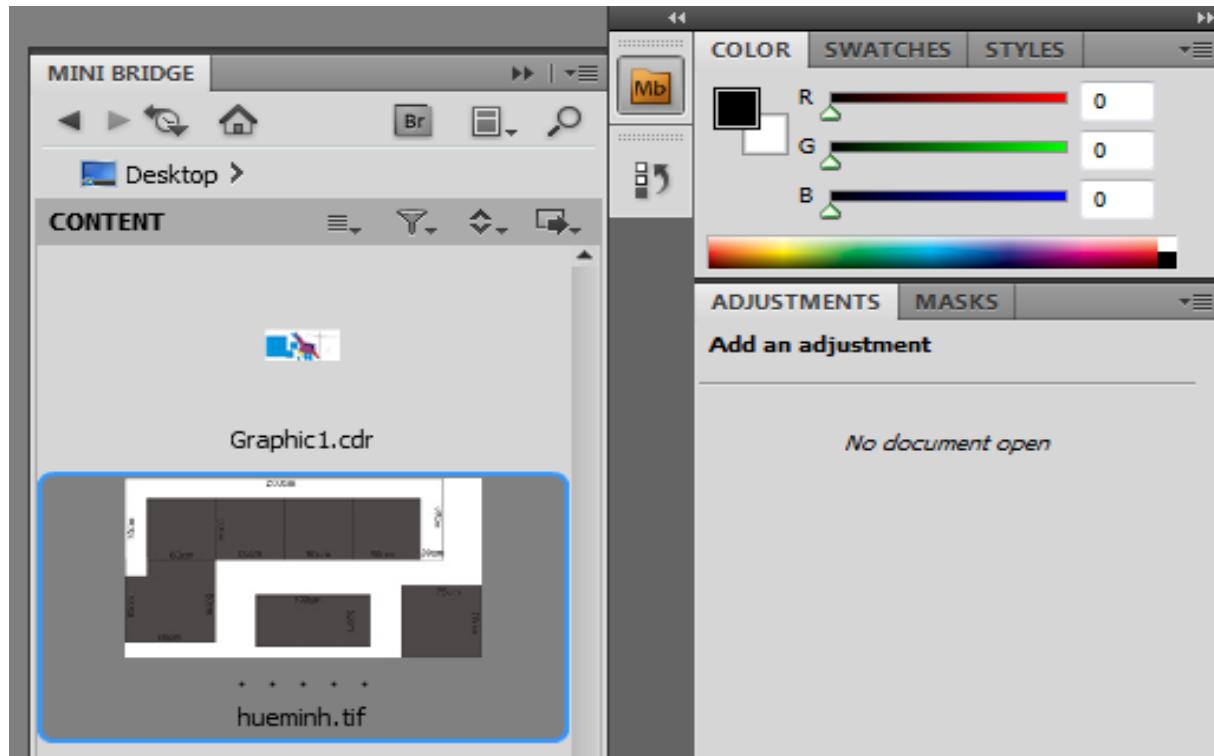
- ❖ Choose File > Save or File >
- ❖ Save As
- ❖ , select Photoshop (PSD), Photoshop PDF, or TIFF format, and click OK.

\*.TIFF tạo file ảnh chất lượng;  
\*.PNG lưu ảnh trên nền trong suốt

# THAO TÁC VỚI ẢNH (OPEN)

## 1. Mở tập tin có sẵn

- Cách 1: Mở tập tin ảnh: File/Open hoặc Ctrl + O
- Cách 2: Mở bằng Browser/ Cửa sổ Mini Bridge



## 2. Mở tập tin có sẵn vừa thao tác: File/ Open Recent

## 3. Mở tập tin có định dạng ảnh khác: File/Open As

# NHẬP TẬP TIN ẢNH

9/2024

## 1. Import:

- a. Chọn File/ Place/chọn ảnh
- b. Chọn ảnh kéo rê ảnh từ 1 trình duyệt hay trong ô đĩa lưu trữ vào vùng làm việc Photoshop
  - Giữ Shift hoặc Ctrl để di chuyển, tăng giảm tỷ lệ hoặc biến dạng ảnh
  - Enter kết thúc
  - Ctrl + T để chọn lại ảnh và tùy chỉnh

ThS. Phạm Huệ Minh

## 1. Export:

- a. Chọn File/ Save As
- b. Tùy chỉnh

**As A Copy** Saves a copy of the file while keeping the current file open on your desktop.

**Alpha Channels** Saves alpha channel information with the image. Disabling this option removes the alpha channels from the saved image.

**Layers** Preserves all layers in the image. If this option is disabled or unavailable, all visible layers are flattened or merged (depending on the selected format).

**Notes** Saves notes with the image.

**Spot Colors** Saves spot channel information with the image. Disabling this option removes spot colors from the saved image.

# CÁC KỸ NĂNG CƠ BẢN

9/2024

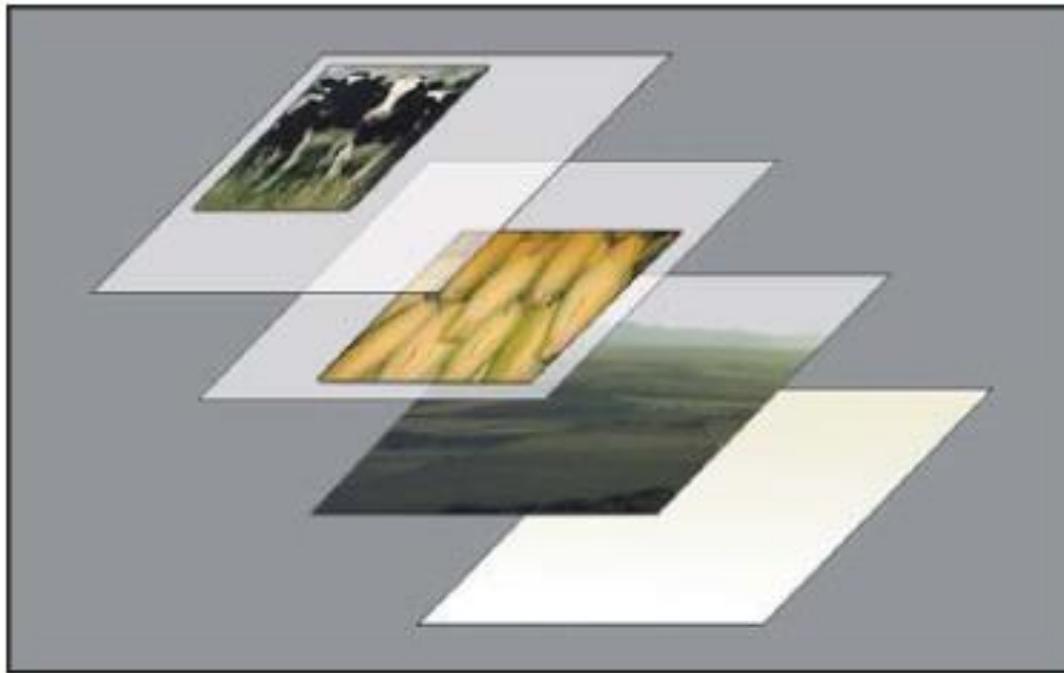
- 1 Kỹ năng làm việc trên lớp (layer)
- 2 Kỹ năng biến dạng đối tượng (Transform)
- 3 Kỹ năng chọn vùng
- 4 Kỹ năng hiệu chỉnh vùng chọn
- 5 Kỹ năng tô màu
- 6 Kỹ năng thiết kế chữ
- 7 Kỹ năng sử dụng cọ vẽ (brushes), shap...
- 8 Kỹ năng tạo đường Vector (pen)

# KỸ NĂNG LÀM VIỆC TRÊN LÓP (LAYER)

9/2024

## 1. Layer (Lớp):

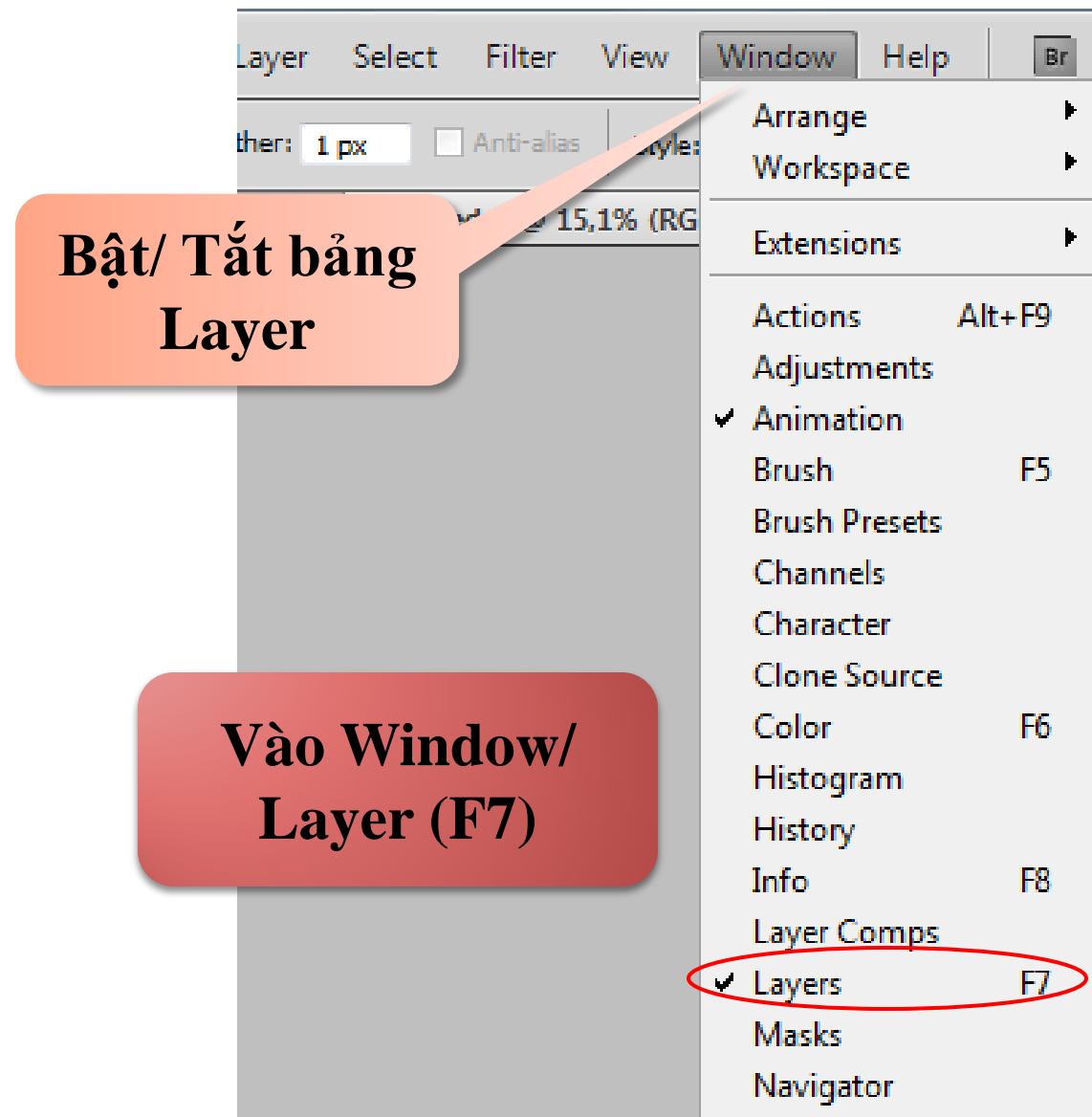
- a. Cho phép ẩn hiện, chỉnh sửa riêng biệt từng lớp trong bức ảnh.
- b. Cho phép phân chia các phần khác nhau của ảnh.
- c. Hiệu chỉnh riêng biệt, không ảnh hưởng đến phần ảnh khác.



*Transparent areas on a layer let you see layers below.*

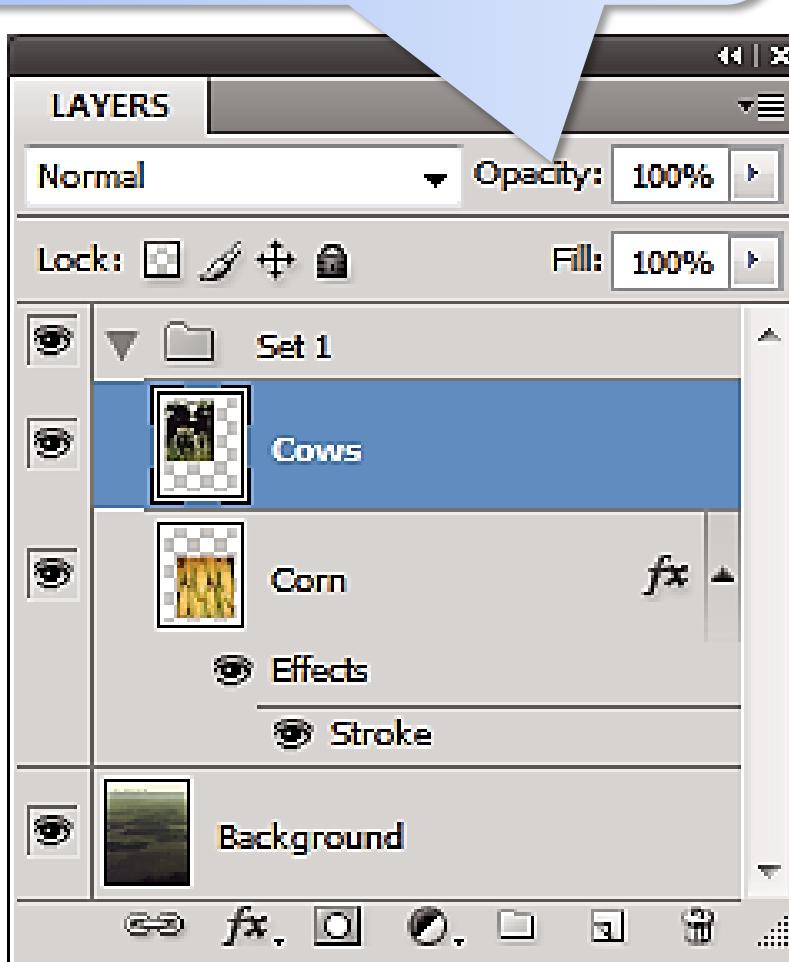
# KỸ NĂNG LÀM VIỆC TRÊN LỚP (LAYER)

9/2024



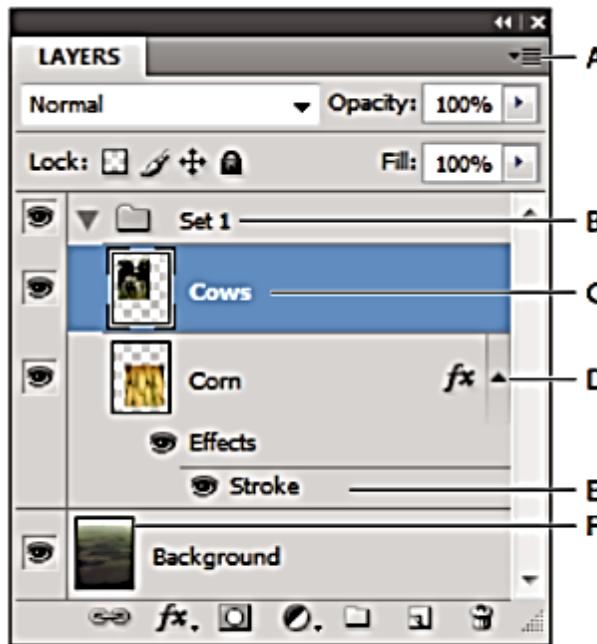
# CHỌN LỚP

Opacity: Độ trong suốt (điều chỉnh thông số trên thanh trượt hoặc nhập một số bất kỳ)



Layer có màu xanh là Layer đang được chọn, khi hiệu chỉnh cần chọn đúng Layer

Ctrl + T thực hiện việc thay đổi kích cỡ Layer

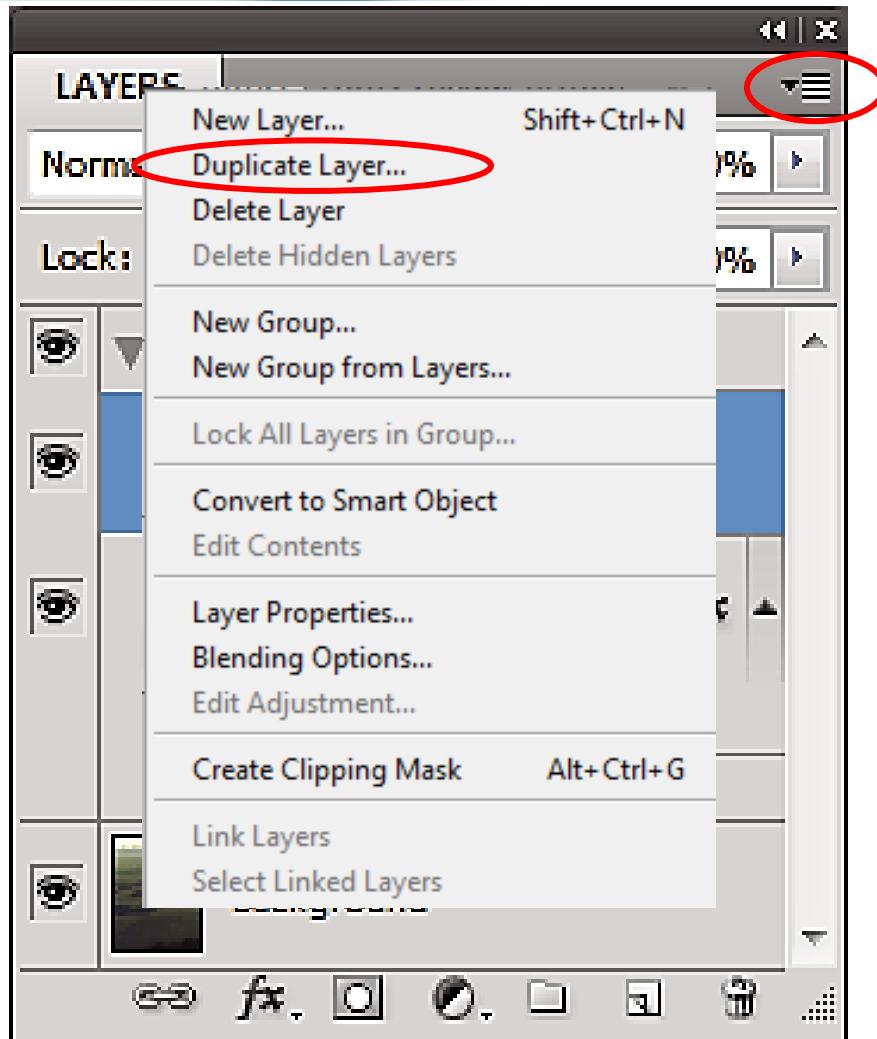


Photoshop Layers panel

A. Layers panel menu B. Layer Group C. Layer D. Expand/Collapse Layer effects E. Layer effect F. Layer thumbnail

# CHỌN LỚP

1.



## NHÂN ĐÔI LAYER

Chọn Layer cần nhân đôi

C1: Nhấn Ctrl + J

C2: Menu của Bảng

Layer/Duplicate Layer

Ctrl+J: Sao chép vùng chọn sang Layer mới, vùng chọn ở Layer cũ vẫn còn

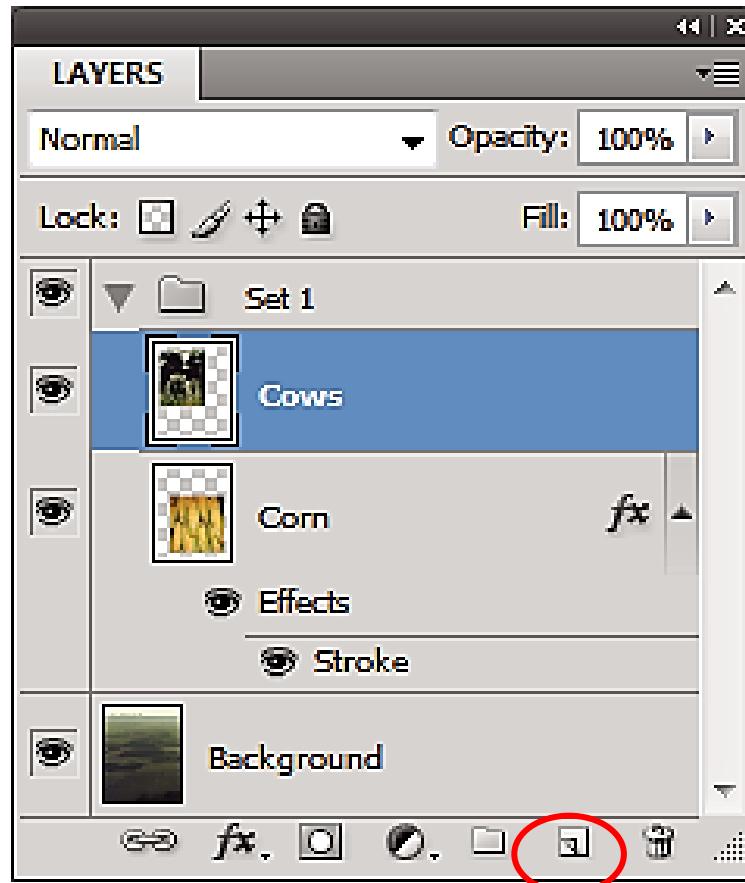
Ctrl+Shift+J: Di chuyển vùng chọn sang Layer mới

Nhấn phím “V” để chọn công cụ Move (Di chuyển)

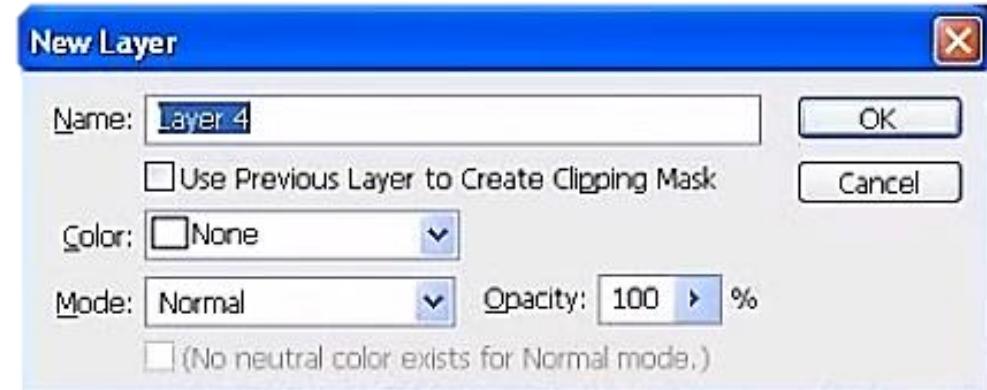
Nhấn Alt trong khi di chuyển hình để sao chép thêm các Layer

# TẠO LỚP

9/2024



Ctrl + Shift + N



## TẠO MỚI LAYER

C1: Nhấn chọn vào nút

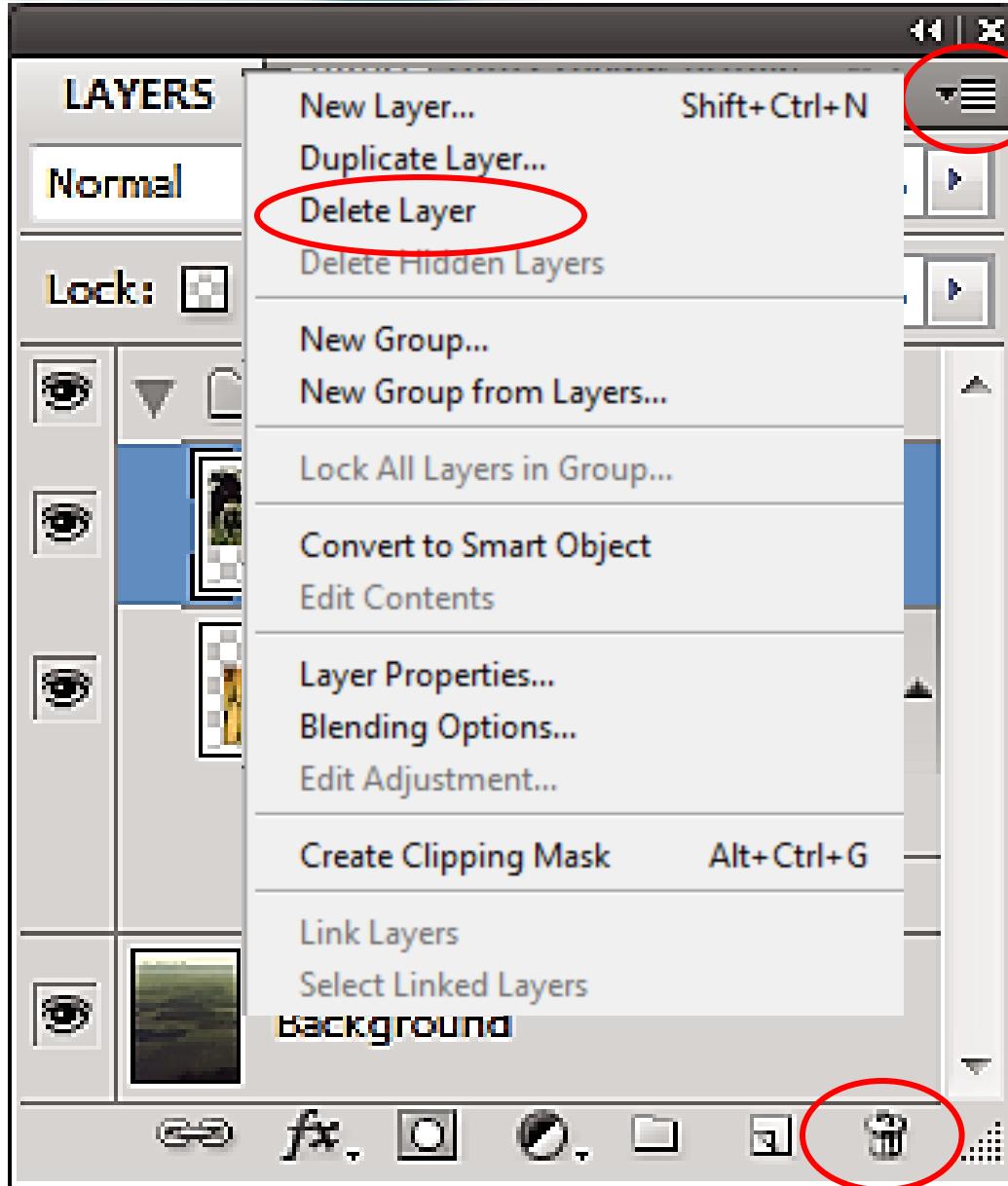
Create New Layer

C2: Nhấn Ctrl + Shift + N

ThS. Phạm Huệ Minh

# XOÁ LỚP

9/2024

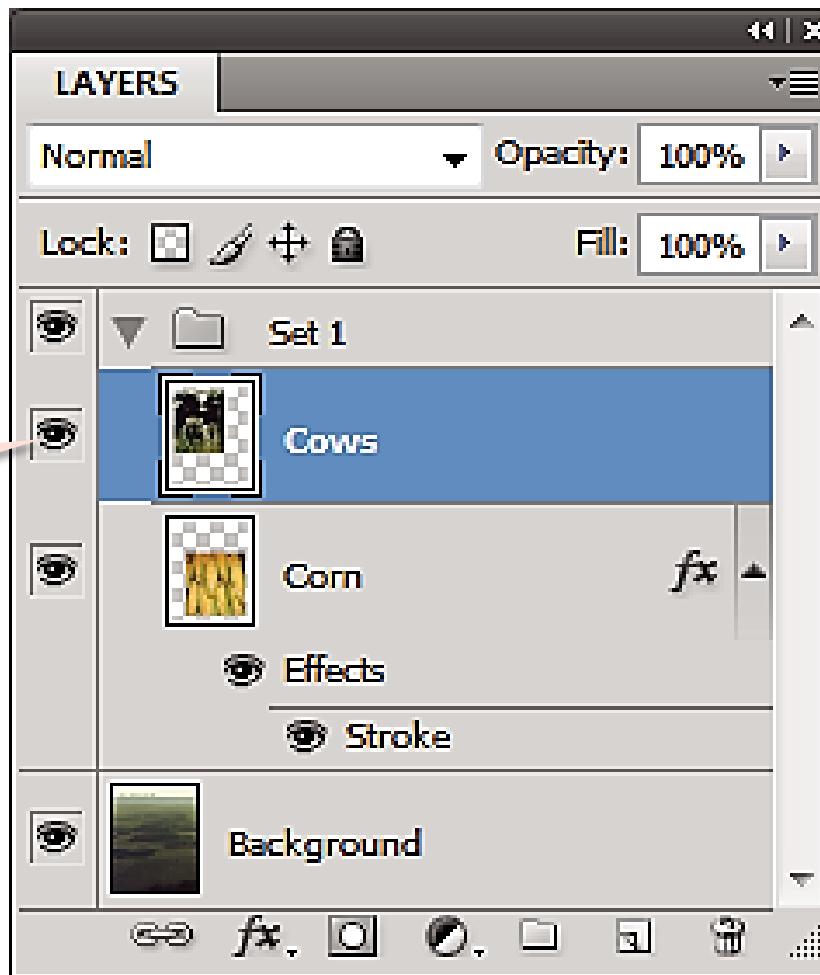


## XÓA LAYER

- C1: Kéo Layer vào biểu tượng Delete Layer
- C2: Nhấn chọn vào nút Delete Layer

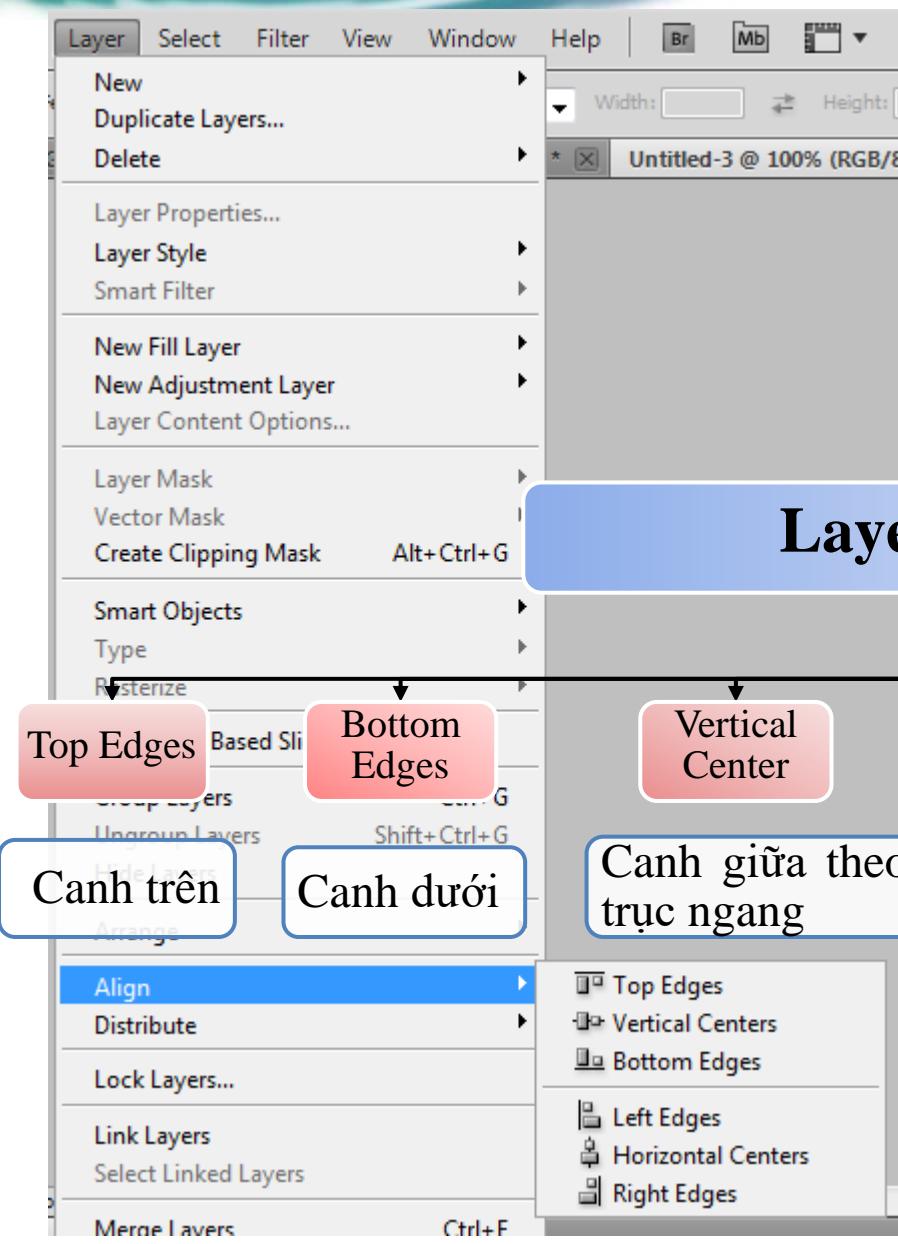
# ÂN, HIỆN LỚP

Ân/ hiện Layer



# SẮP XẾP LỚP

9/2024



## SO HÀNG LAYER

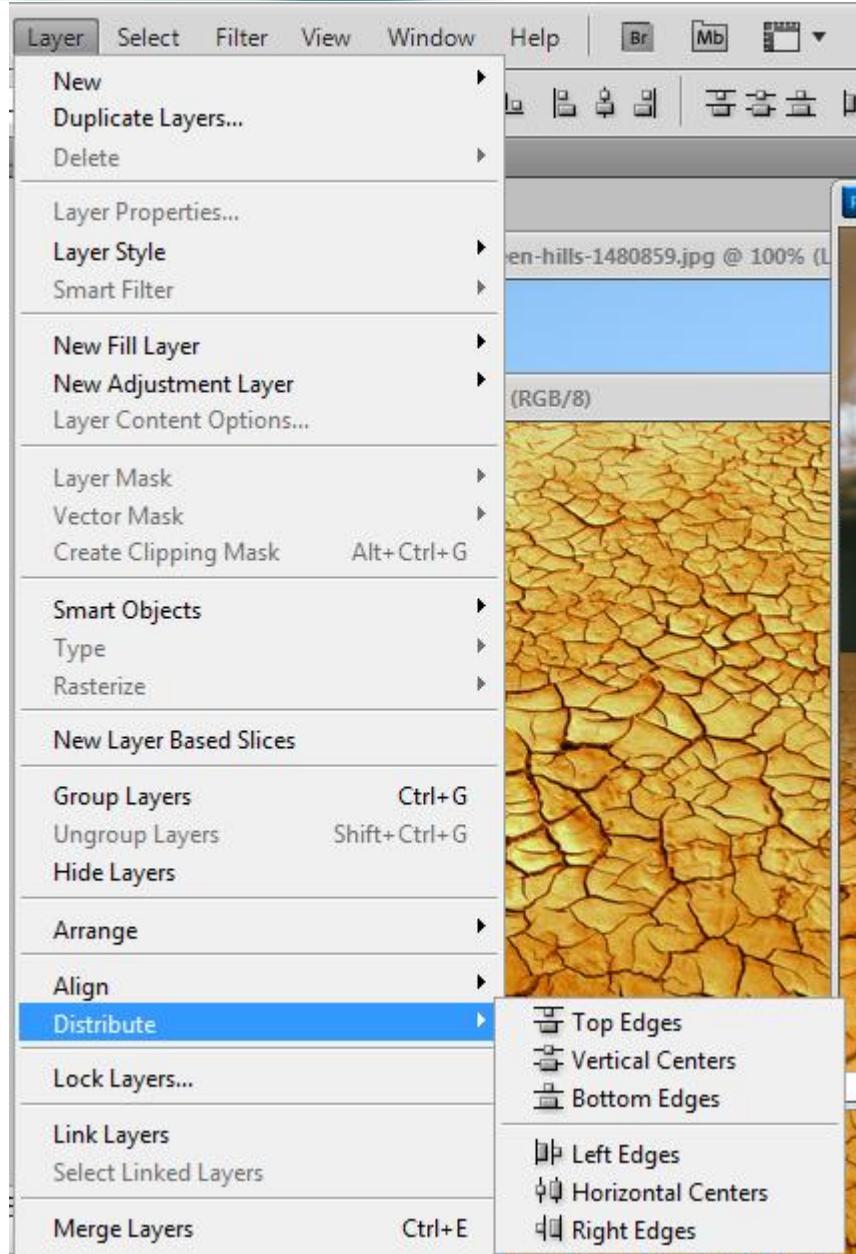
- Chọn các Layer
- Layer/ Align /tùy chọn

### Layer/Align

ThS. Phạm Huệ Minh

# SẮP XẾP LỚP

9/2024



## PHÂN BỐ LAYER

- B1: Chọn các Layer  
B2: Layer/ Distribute/tùy chọn

## Cách 1

Thay đổi vị trí Layer trong bảng Layer

## Cách 2

Layer/Arrange/tùy chọn

## Cách 3

Tổ hợp phím tắt

**Ctrl + [**

Lên trên một lớp

**Ctrl + ]**

Xuống dưới một lớp

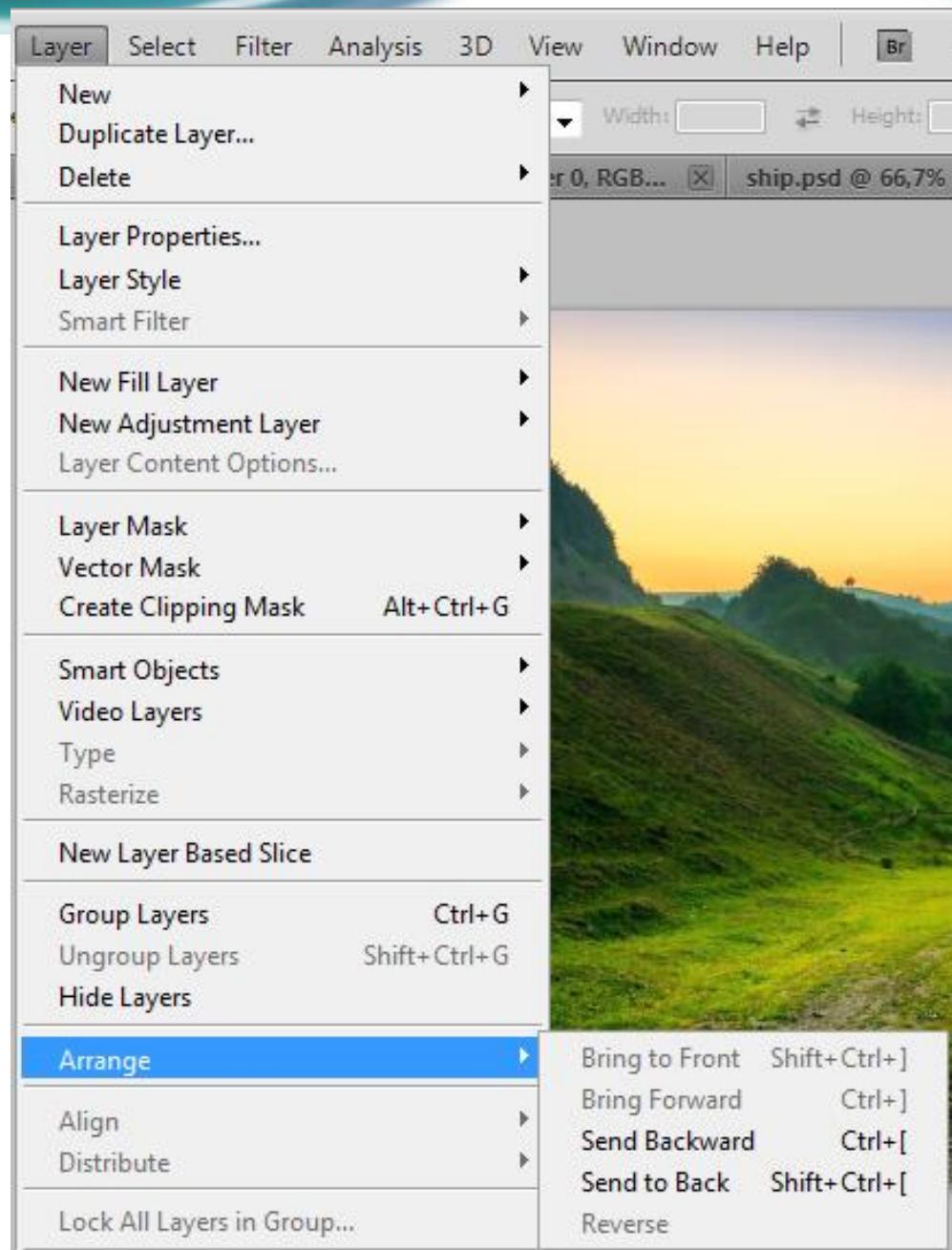
**Ctrl + Shift + ]**

Lên trên cùng

**Ctrl + Shift + [**

Xuống dưới cùng

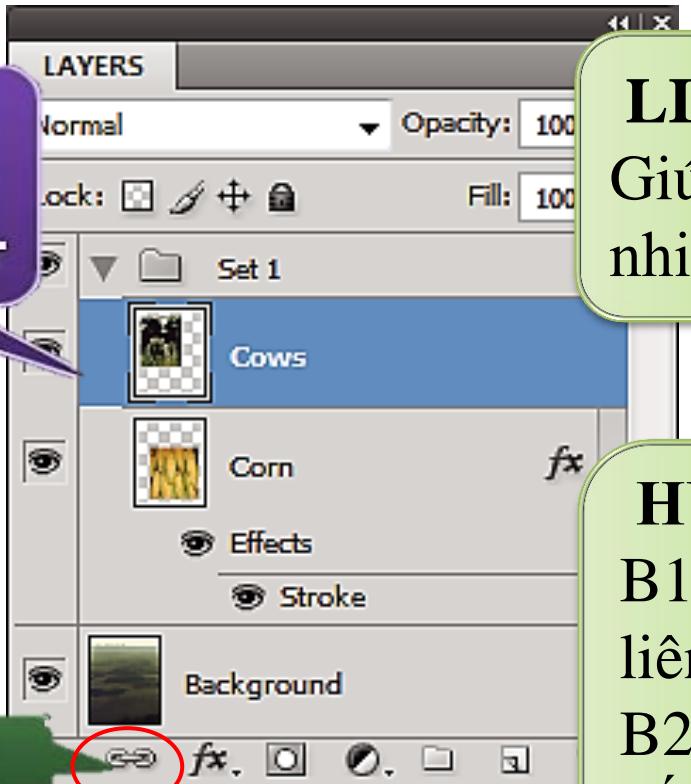
# SẮP XẾP LỚP



# TẠO, XÓA LIÊN KẾT LỚP

9/2024

Giữ phím  
Shift: Chọn  
nhiều Layer



Liên kết Layer

## LIÊN KẾT LAYER

Giúp hiệu chỉnh cùng lúc  
nhiều Layer

## HỦY LIÊN KẾT LAYER

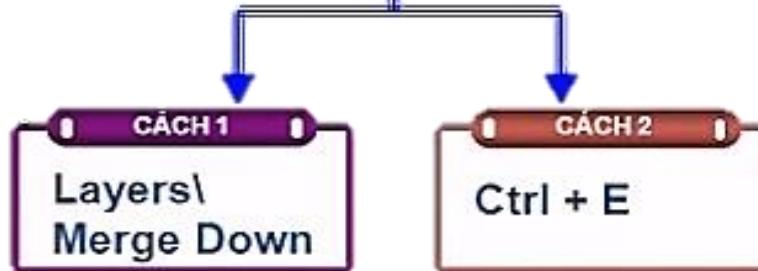
B1: Chọn các Layer cần hủy  
liên kết

B2: Nhấp chuột vào nút liên  
kết

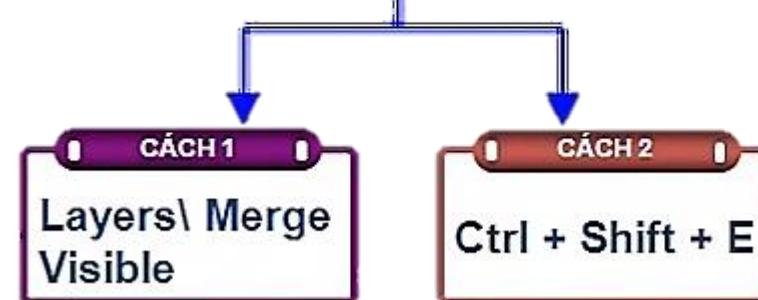
# TRỘN LỚP

- Những Layer đang hiển thị thì được trộn với nhau, Layer ẩn không được trộn.

## TRỘN VỚI LAYER DƯỚI



## TRỘN LAYER ĐANG HIỂN THỊ



## Chuyển Background thành layer thường

1

Kích đúp chuột vào  
Layer Background

2

Gõ tên lớp mới muốn đổi.

## LÀM PHẲNG ẢNH

- Layers\ Flatten Image

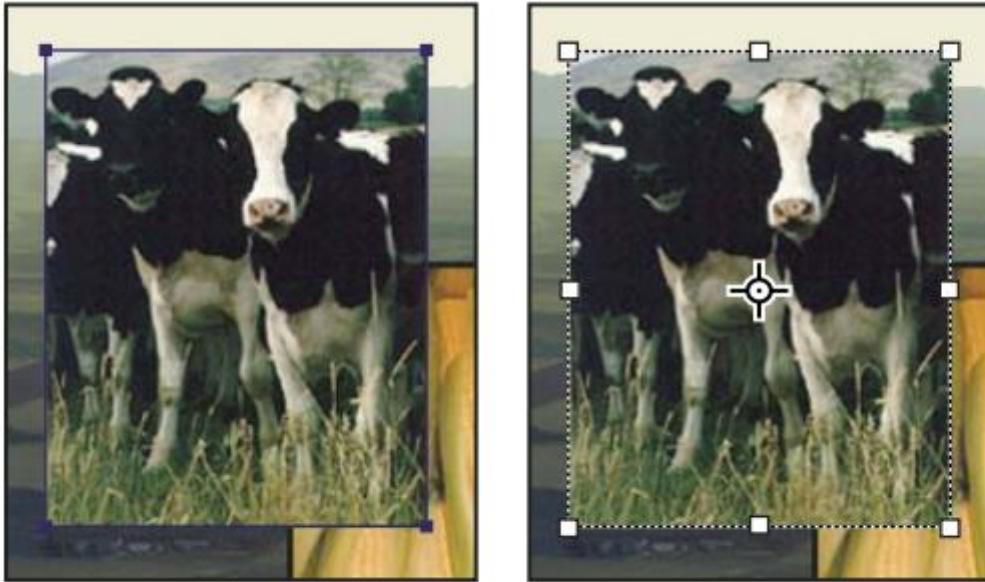
Tất cả các Layer được làm  
phẳng thành 1 Layer  
Background

Không thê thay đổi  
được vị trí và một  
số thuộc tính khác  
của Layer  
"Background"

# KỸ NĂNG BIẾN DẠNG ĐỐI TƯỢNG

9/2024

1. Chọn ảnh/ Menu Edit/Transformation (Free Transformation)
2. Hoặc tổ hợp phím Ctrl + T



*Layer content with edges showing (left) and with transform mode selected (right)*

3. Các biến đổi bằng lệnh Free Transform, bạn có thể dùng 2 phương pháp: Tương tác trực quan và sử dụng các giá trị số.

# XOAY, ĐẢO CHIỀU ĐỐI TƯỢNG

9/2024

1. Quay (Rotate): Đưa con trỏ ra phía ngoài hộp bao, con trỏ sẽ biến thành mũi tên cong 2 đầu, rê để quay cà hộp bao và đối tượng chọn. Giữ phím Shift và rê sẽ ép buộc quay theo từng góc 15 độ . Đối tượng sẽ quay theo tâm quay (điểm tham chiếu).



ThS. Phạm Huệ Minh

# CO, GIÃN ĐÓI TƯỢNG

9/2024

1. Thay đổi kích thước và tỉ lệ (Scale): Rê các cạnh hoặc các handle ở cạnh để làm biến dạng đối tượng theo chiều ngang hoặc dọc. Rê các handle ở góc làm biến dạng đồng thời cả 2 chiều. Giữ phím Shift và rê handle ở góc sẽ giữ nguyên tỉ lệ của đối tượng khi biến dạng.



ThS. Phạm Huệ Minh

# BIẾN DẠNG PHÓI CẢNH

1. Xô nghiêng (Skew): Ctrl+Shift và rê các cạnh để xô nghiêng đối tượng theo chiều ngang hoặc đứng.
2. Ctrl+Shift+Alt và rê để tạo biến dạng từ tâm ra.
3. Di chuyển (Move): Đặt con trỏ vào bên trong hộp bao, con trỏ biến thành biểu tượng Move, rê di chuyển cả hộp bao và đối tượng chọn. Giữ phím Shift và rê để bắt buộc di chuyển theo phương đứng, ngang hoặc 45 độ.



# UỐN CÔNG ĐỐI TƯỢNG

9/2024

## 1. Lệnh Warp



ThS. Phạm Huệ Minh

# KỸ NĂNG CHỌN VÙNG

9/2024

## THIẾT LẬP VÙNG CHỌN GIÚP

Tái tạo và  
thay đổi các  
thành phần  
trong ảnh

Hiệu chỉnh vùng  
chọn không ảnh  
hưởng tới vùng  
khác

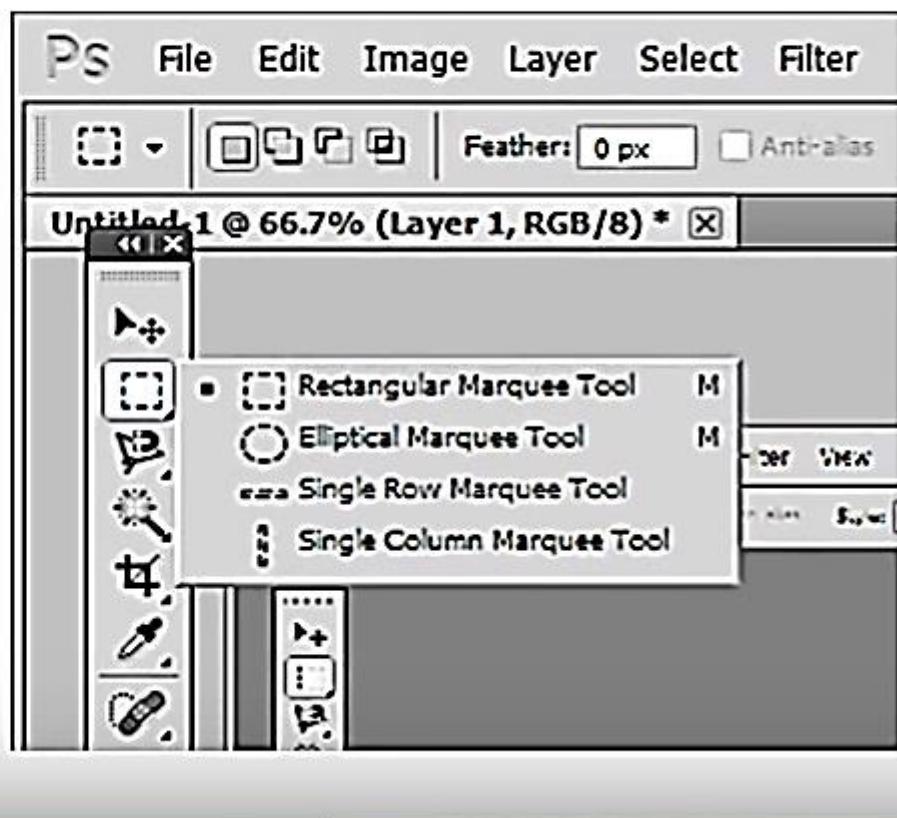
ThS. Phạm Huệ Minh

# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024

**PHÍM CỐ TẮT:** M

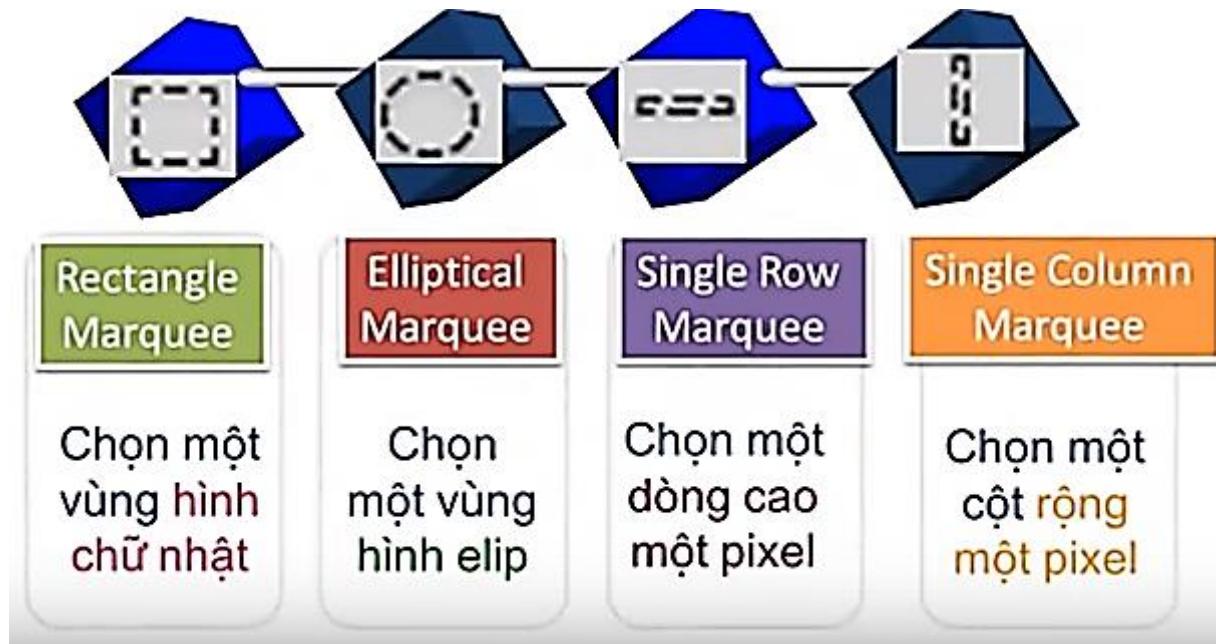
Chọn những vùng hình ảnh chữ nhật hoặc elip



ThS. Phạm Huệ Minh

# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024



Giữ phím Shift  
trong khi tạo vùng  
chọn => Tạo vùng  
chọn hình vuông

Giữ Shift trong  
khi chọn => Tạo  
vùng chọn hình  
tròn

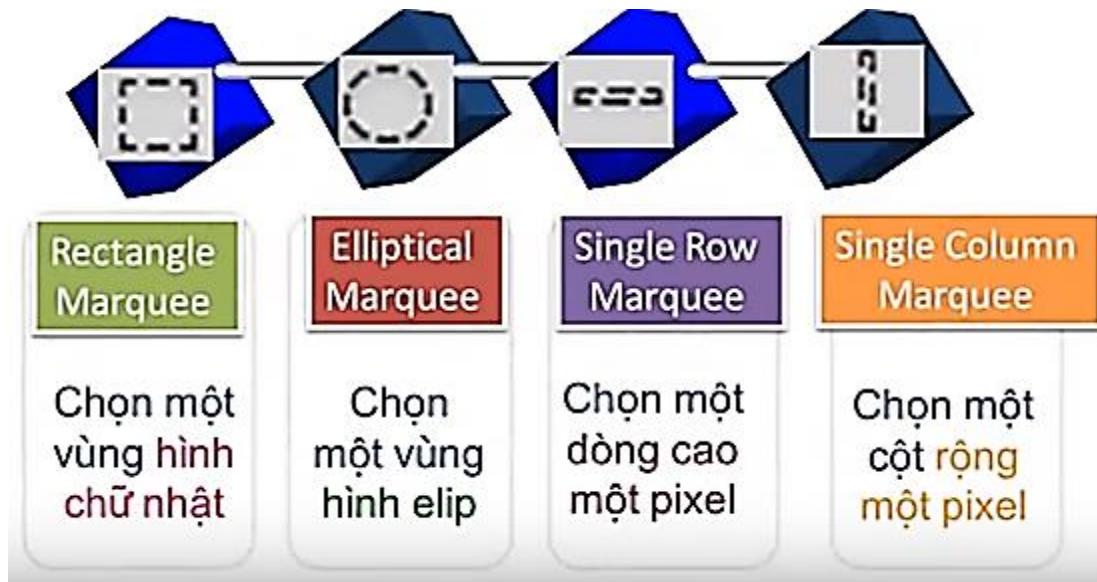
**Shift + Alt: Vùng  
chọn hình tròn từ  
tâm ra**

Feather: Độ chính xác đường chọn  
Giá trị càng nhỏ độ chính xác càng cao.

**STYLE**  
Normal: Dạng bình thường  
Fixed Aspect Ratio: Theo tỉ lệ  
Fixed Size: Kích cỡ cố định

# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024



Giữ phím Shift  
trong khi tạo vùng  
chọn => Tạo vùng  
chọn hình vuông

Giữ Shift trong  
khi chọn => Tạo  
vùng chọn hình  
tròn

**Shift + Alt:** Vùng  
chọn hình tròn từ  
tâm ra

## STYLE

Normal: Dạng bình thường

Fixed Espect Ratio: Theo tỉ lệ

Fixed Size: Kích cỡ cố định



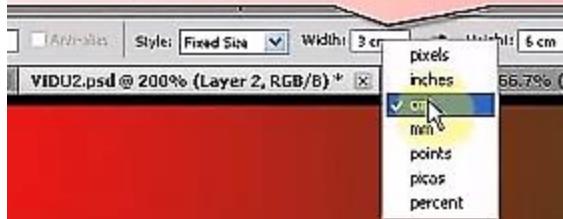
# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024

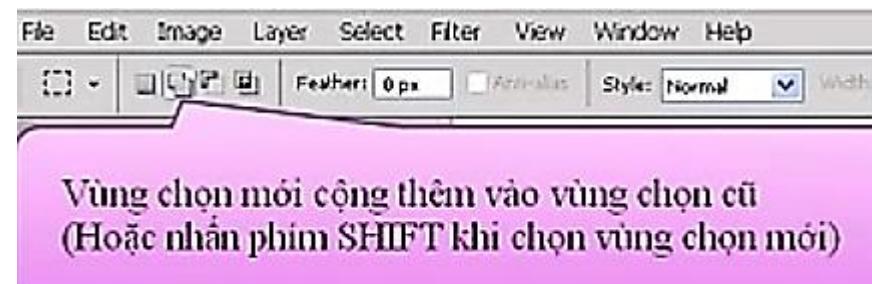
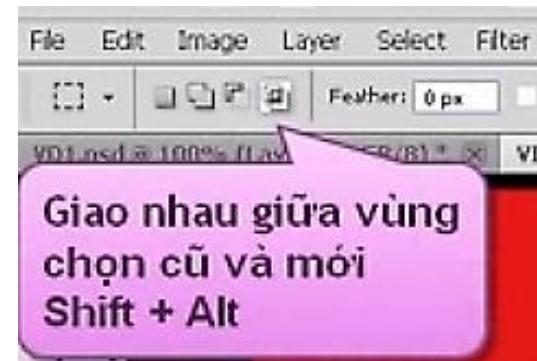
## STYLE

- Normal: Dạng bình thường
- Fixed Aspect Ratio: Theo tỉ lệ
- Fixed Size: Kích cỡ cố định

Nhấn phải chuột để thay đổi đơn vị đo



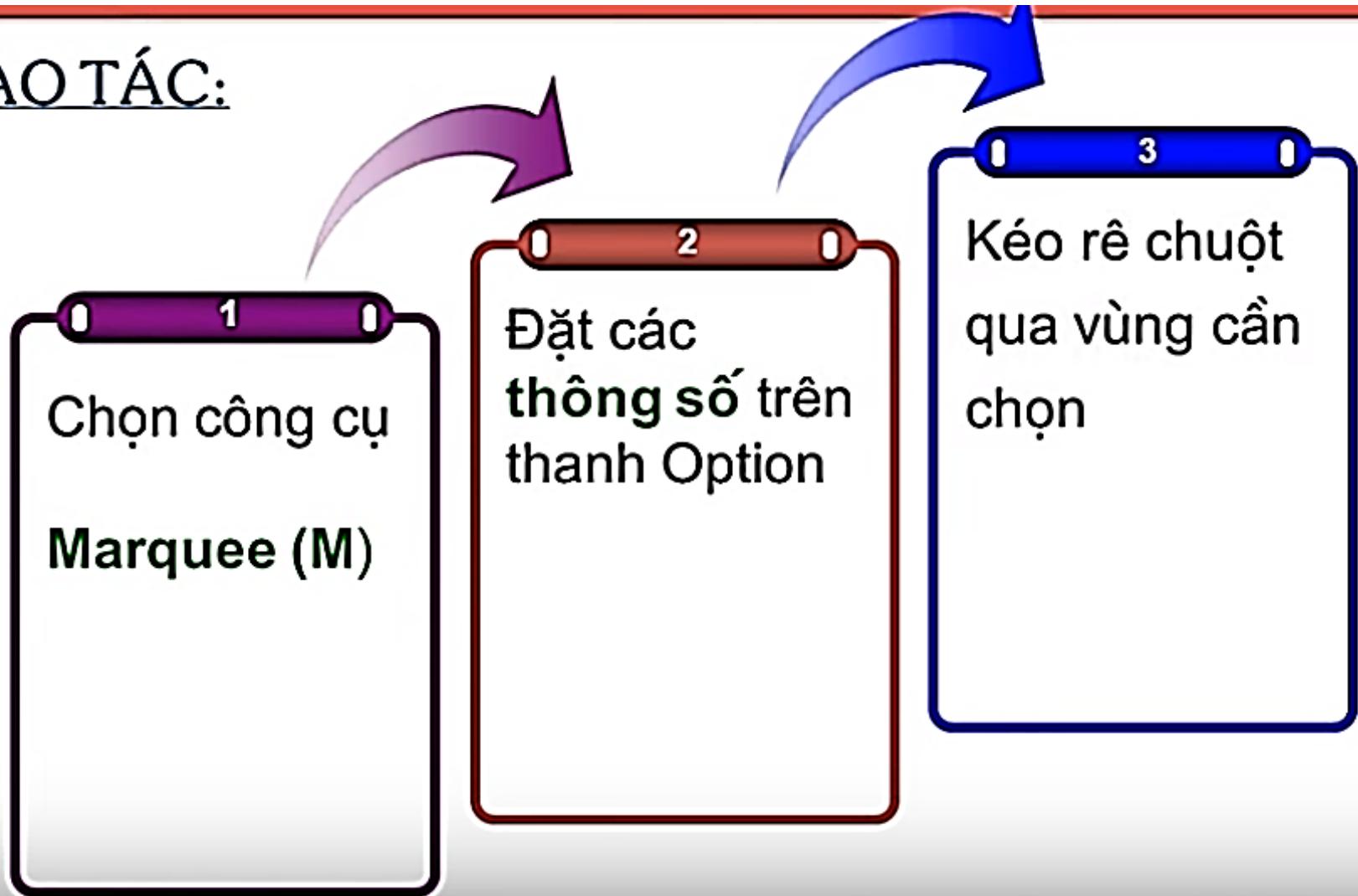
Tạo vùng chọn mới, loại bỏ ở vùng chọn cũ những phần giao nhau với vùng chọn mới (Phím Alt)



# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024

## THAO TÁC:



# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024

**CHÚ Ý**  
TRONG KHI CHỌN

**SHIFT**

Tạo mục  
chọn **hình  
vuông** hoặc  
**tròn**

**ALT**

Tạo mục  
chọn  
**từ tâm ra**

ThS. Phạm Huệ Minh

# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE



1. TẠO VÙNG CHỌN MỚI, VÙNG CHỌN CŨ SẼ MẤT ĐI.

2. CỘNG THÊM VÙNG CHỌN MỚI

**SHIFT**

3. TẠO VÙNG CHỌN MỚI, BỎ ĐI TỪ VÙNG CHỌN CŨ  
NHỮNG VÙNG BỊ CHE KHUẤT Ở VÙNG CHỌN MỚI.

**ALT**

4. GIAO GIỮA VÙNG CHỌN CŨ VÀ VÙNG CHỌN MỚI

**SHIFT + ALT**

# LÀM VIỆC VỚI MARQUEE

9/2024



**Feather**

Độ chính xác của đường chọn  
Feather càng nhỏ thì độ chính xác càng cao

**Style**

**NORMAL**

Mặc định

**FIXED ESPECT RATIO:** chọn theo tỷ lệ

**FIXED SIZE:** vùng chọn có kích thước cố định

# LÀM VIỆC VỚI LASSO

9/2024



PHÍM TẮT L  
SHIFT + L: chuyển tới công cụ ẩn dưới

ThS. Phạm Huệ Minh

# LÀM VIỆC VỚI LASSO

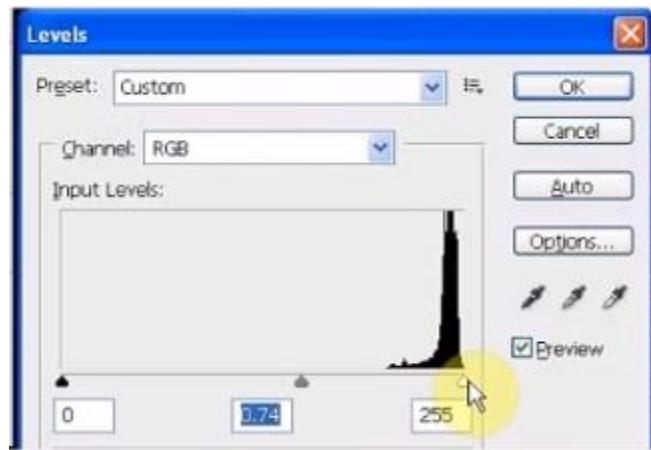
1.

Lasso: Tạo vùng chọn có hình dáng khác thường bằng đường vẽ tự do

Kéo rê chuột để tạo vùng chọn

Công cụ Lasso cho phép chọn nhanh vùng chọn có hình dáng khác với độ chính xác yêu cầu ở mức độ tương đối

Nhấn Ctrl + L thay đổi độ sáng tối vùng chọn



# LÀM VIỆC VỚI LASSO

## Polygonal Lasso:

Tạo vùng chọn  
bằng cách chấm  
điểm (gấp khúc)

**Bấm chuột** tạo  
**đường gấp khúc**  
quanh vùng cần chọn

Phương pháp này độ chính xác  
cao (Đặc biệt trong trường hợp  
phóng to ảnh và khoảng cách  
chấm điểm ngắn) song tốc độ  
chọn chậm

Với công cụ Lasso thì nhanh  
nhưng độ chính xác lại hạn  
chế

# LÀM VIỆC VỚI LASSO

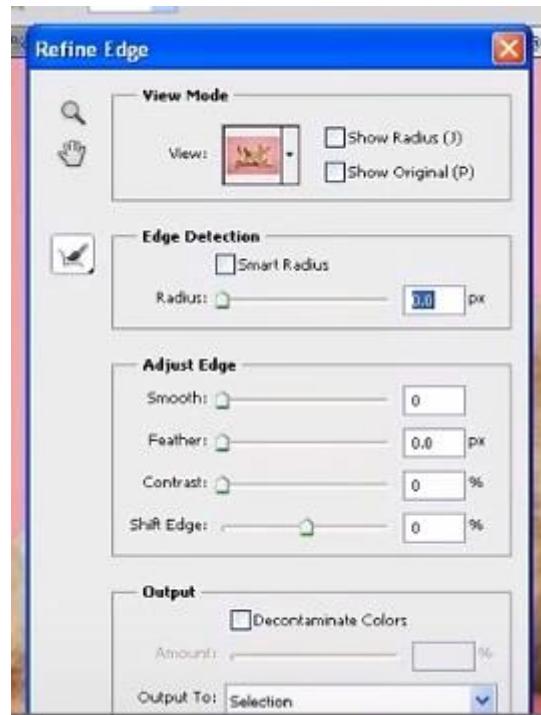
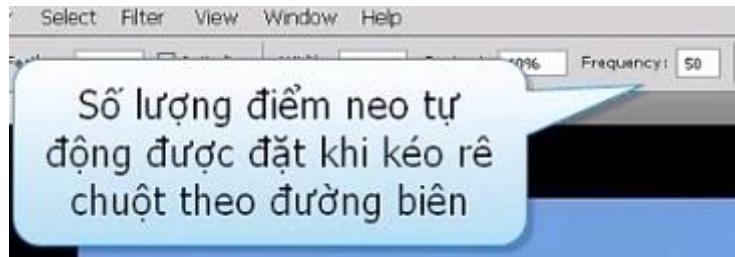
9/2024

## 1. Tạo vùng chọn bằng cách kéo rê chuột theo đường cạnh (đường biên) - tương tự cách 1

### **Magnetic Lasso:**

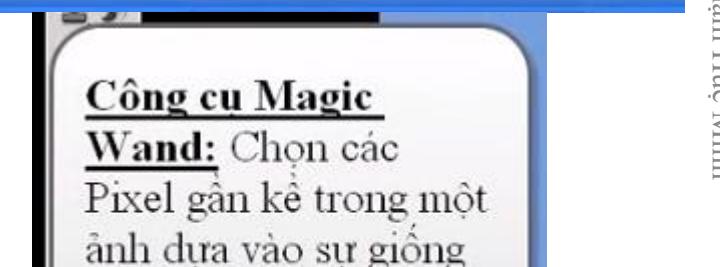
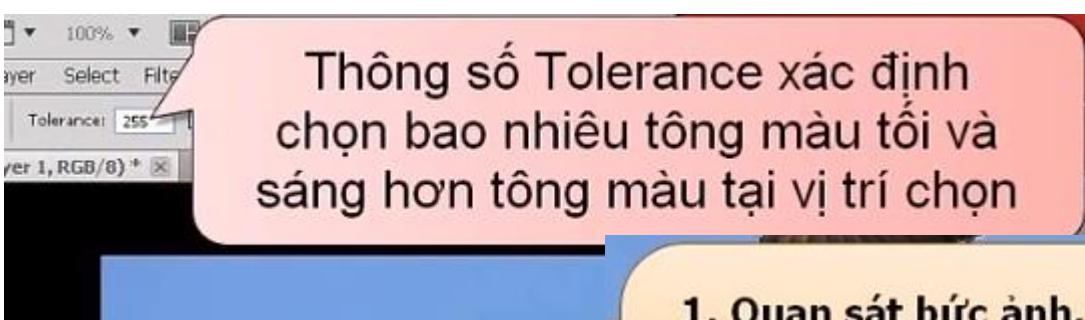
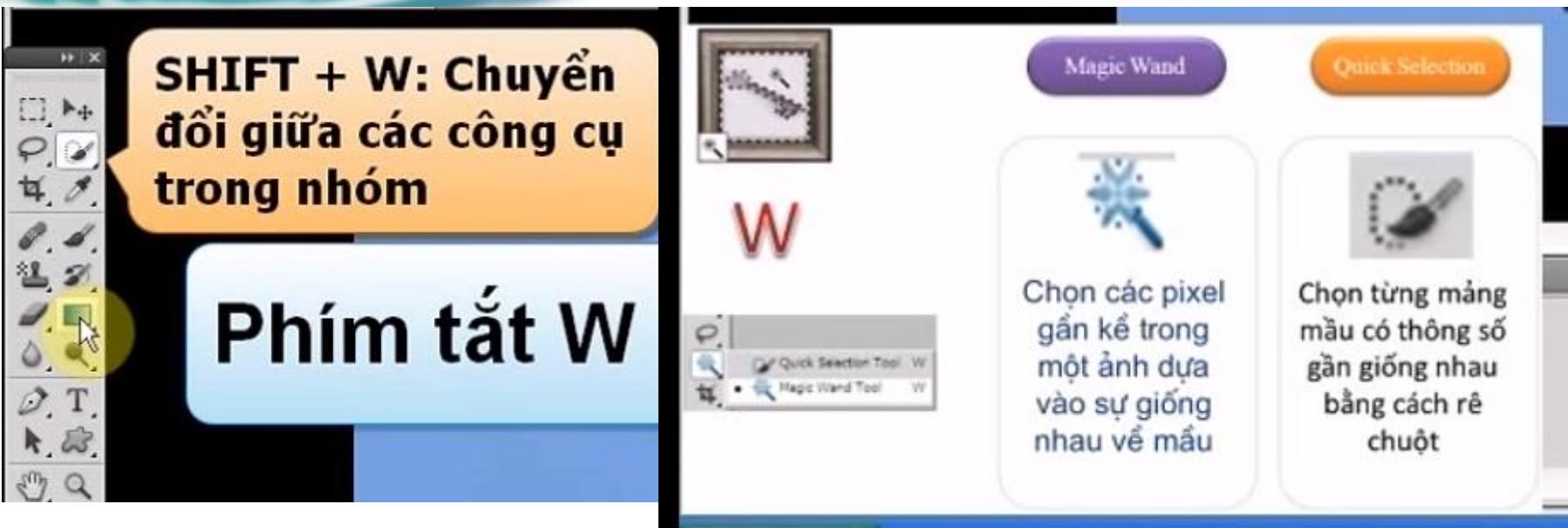
Tạo vùng chọn có  
cạnh có độ tương  
phản cao

2. Tại vị trí mà đường biên có độ tương phản thấp, hoặc muốn chọn  
vị trí theo ý muốn: nhấn chuột để chọn (tương tự cách 2)



# LÀM VIỆC VỚI MAGIC WAND

9/2024



1. Quan sát bức ảnh, **nền xanh là vùng màu tương tự, dễ chọn.**
2. **Thay vì chọn đối tượng chính, dùng công cụ Magic Wand chọn vùng nền**
3. Nhấn **Ctrl + Shift + I** đảo ngược vùng chọn -> chọn đối tượng dễ dàng

# LÀM VIỆC VỚI QUICK SELECTION

1.

Công cụ Quick Selection chọn từng mảng màu có thông số gần giống nhau bằng cách rê chuột



# LÀM VIỆC VỚI QUICK MASK, COLOR RANGE

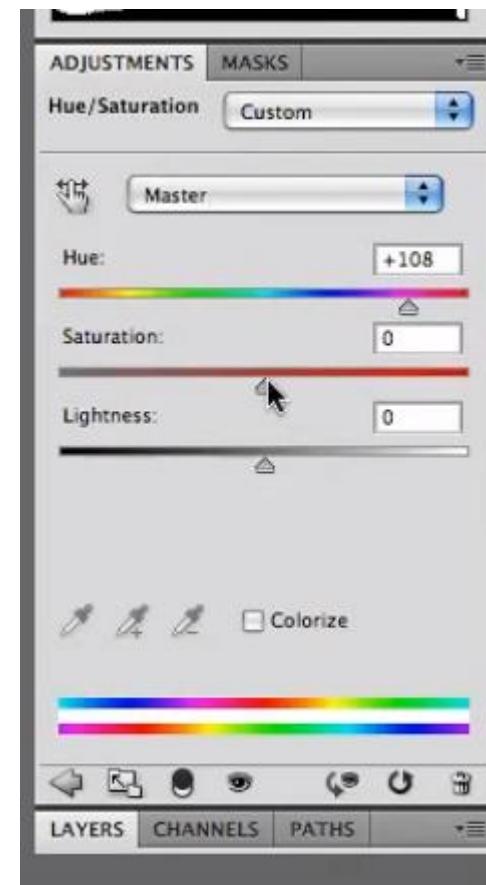
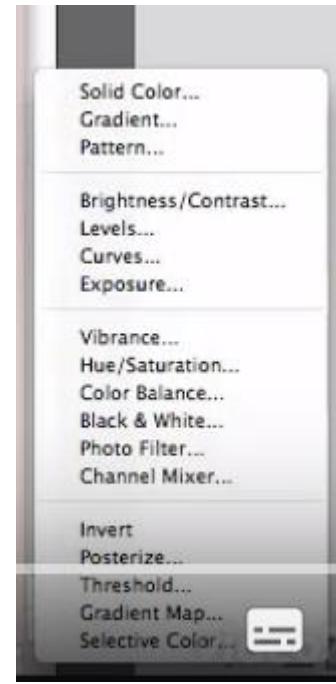
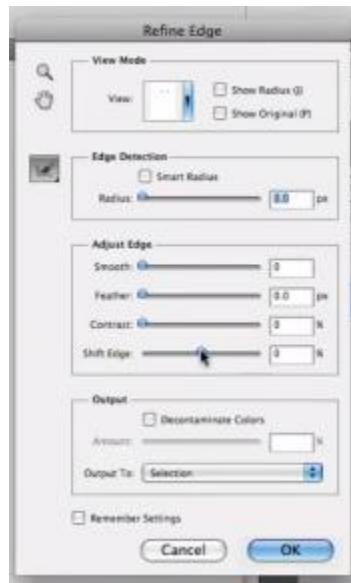
9/2024

Bước 1: chọn vùng chọn

Bước 2: chọn công cụ Quick Mask Tool hoặc Nhấn phím Q

Bước 3: Double click vào Công cụ Quick Mask Tool để tùy chỉnh.

Bước 4: Đảo ngược vùng chọn



# LÀM VIỆC VỚI REFINE EDGE

9/2024

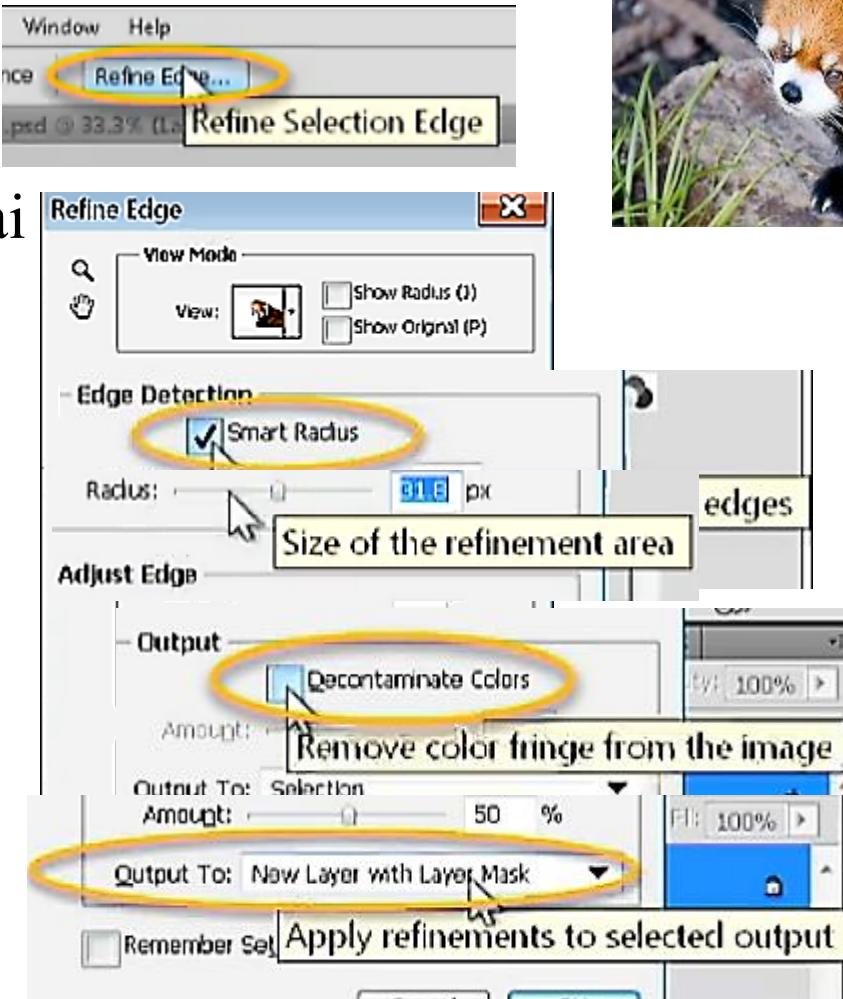
- Chọn công cụ chọn  kết hợp phím ALT để bỏ bớt vùng chọn.

- Chọn vào Refine Edge

- Tuỳ chọn trong hộp thoại

- Phóng to vùng biên (Ctrl++) và thực hiện tô lại biên để lọc biên; có thể giữ Spacebar duy chuyển hình

- Tuỳ chỉnh Output rồi chọn OK

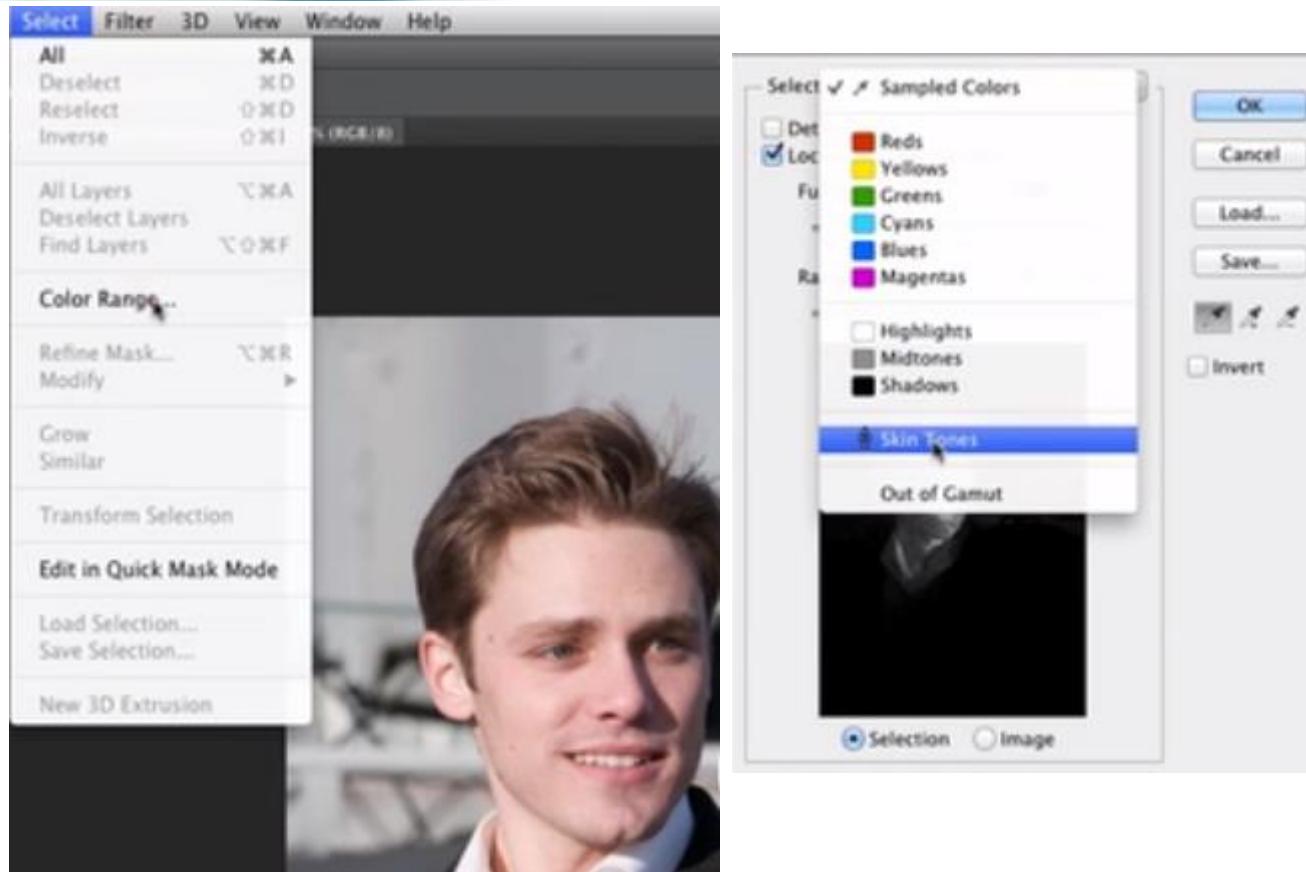


ThS. Phạm Huệ Minh

# LÀM VIỆC VỚI COLOR RANGE

9/2024

1.

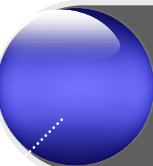


# KỸ NĂNG HIỆU CHỈNH VÙNG CHỌN

9/2024



Đảo ngược vùng chọn



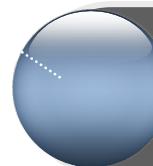
Di chuyển, sao chép vùng chọn



Biến đổi vùng chọn (kích cỡ, xoay, xô  
nghiêng, lật, làm biến dạng ...)



Hủy bỏ vùng chọn

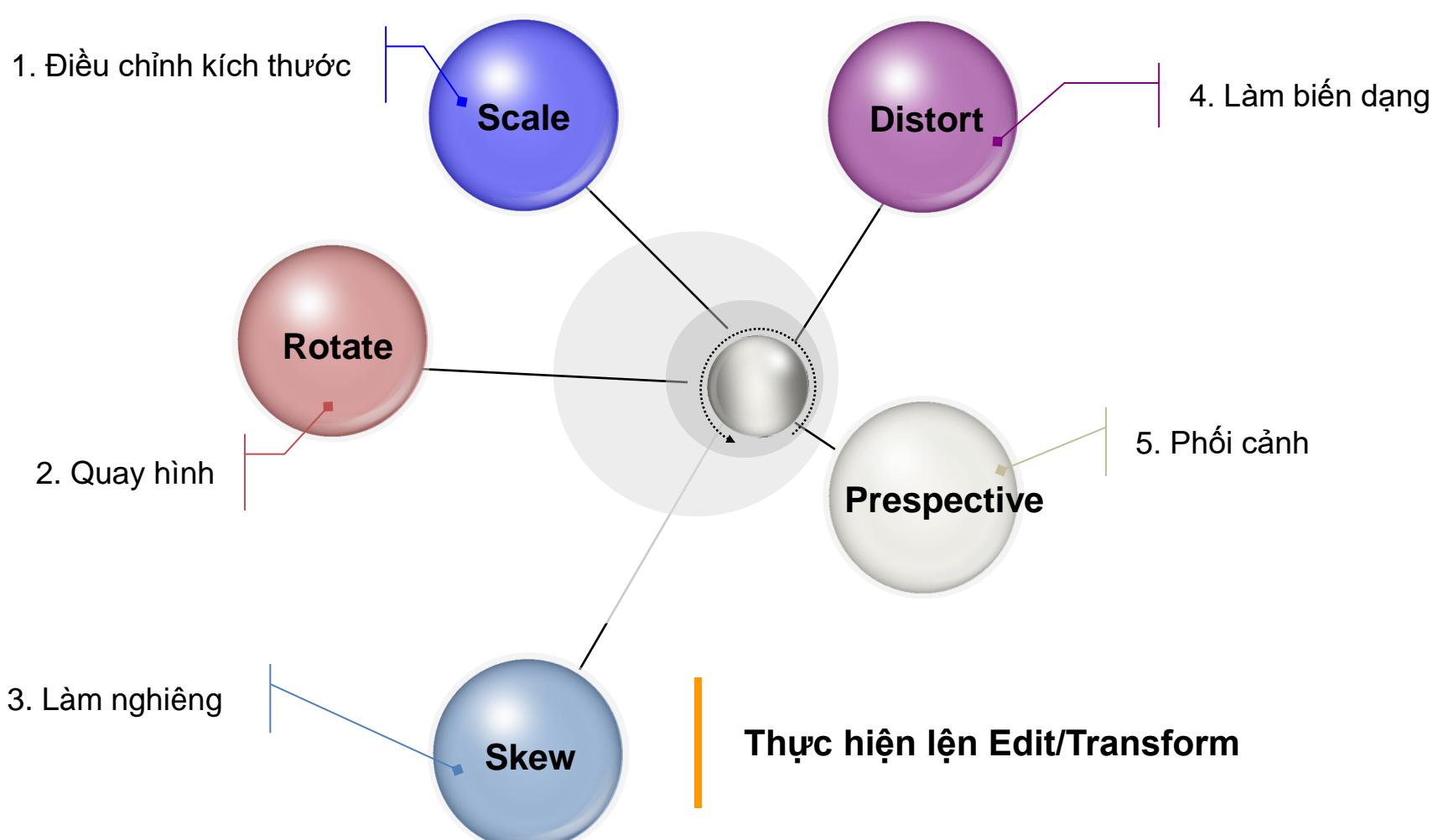


ThS. Phạm Huệ Minh

# KỸ NĂNG HIỆU CHỈNH VÙNG CHỌN

9/2024

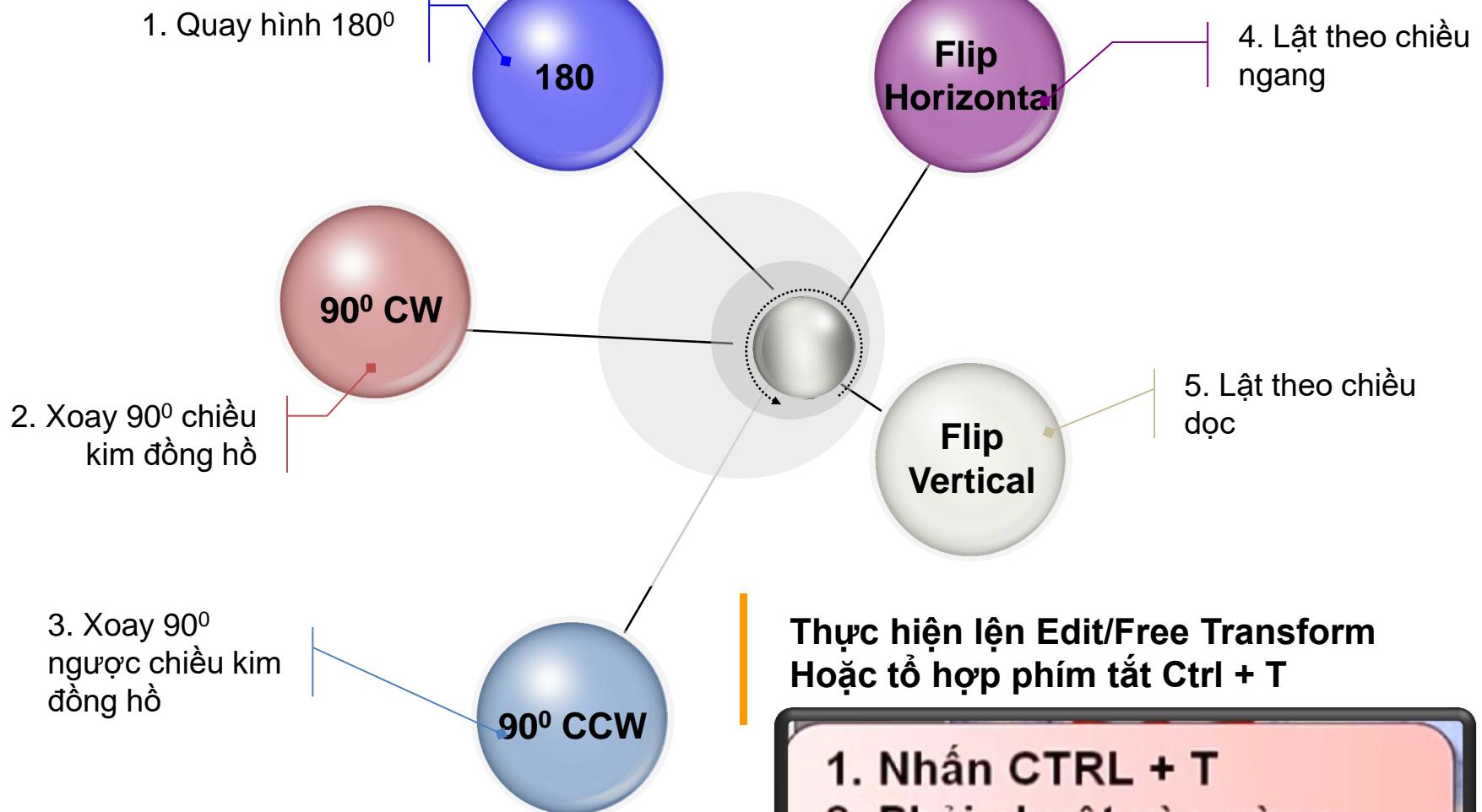
## 1. Cách 1:



# KỸ NĂNG HIỆU CHỈNH VÙNG CHỌN

9/2024

## 1. Cách 2:



1. Nhấn CTRL + T
2. Phải chuột vào vùng chọn và chọn các lựa chọn phù hợp

ThS. Phạm Huệ Minh

# NGHỊCH ĐẢO VÙNG CHỌN

9/2024

1. Nghịch đảo vùng chọn Select/ Inverse hoặc tổ hợp Ctrl+Shift+I
2. Di chuyển vùng chọn Phím V hoặc công cụ Move/ Rê di chuyển.
3. Sao chép File/Copy hoặc Ctrl+C sau File/Paste hoặc Ctrl +V hoặc Công cụ Move / Alt trong khi di chuyển.

ThS. Phạm Huệ Minh

# HỦY BỎ VÙNG CHỌN

1. Cách 1 Select/ Deselect
2. Cách 2: tổ hợp phím Ctrl + D

# KỸ NĂNG TẠO ĐƯỜNG VECTOR (PEN)

1. Sử dụng phím Alt để điều chỉnh hướng của vector
2. Sử dụng phím Ctrl để điều chỉnh vị trí của điểm node.

# KỸ NĂNG XỬ LÝ LỚP

9/2024

1

Tạo các hiệu ứng bóng đổ, chìm, nổi, quầng sáng....

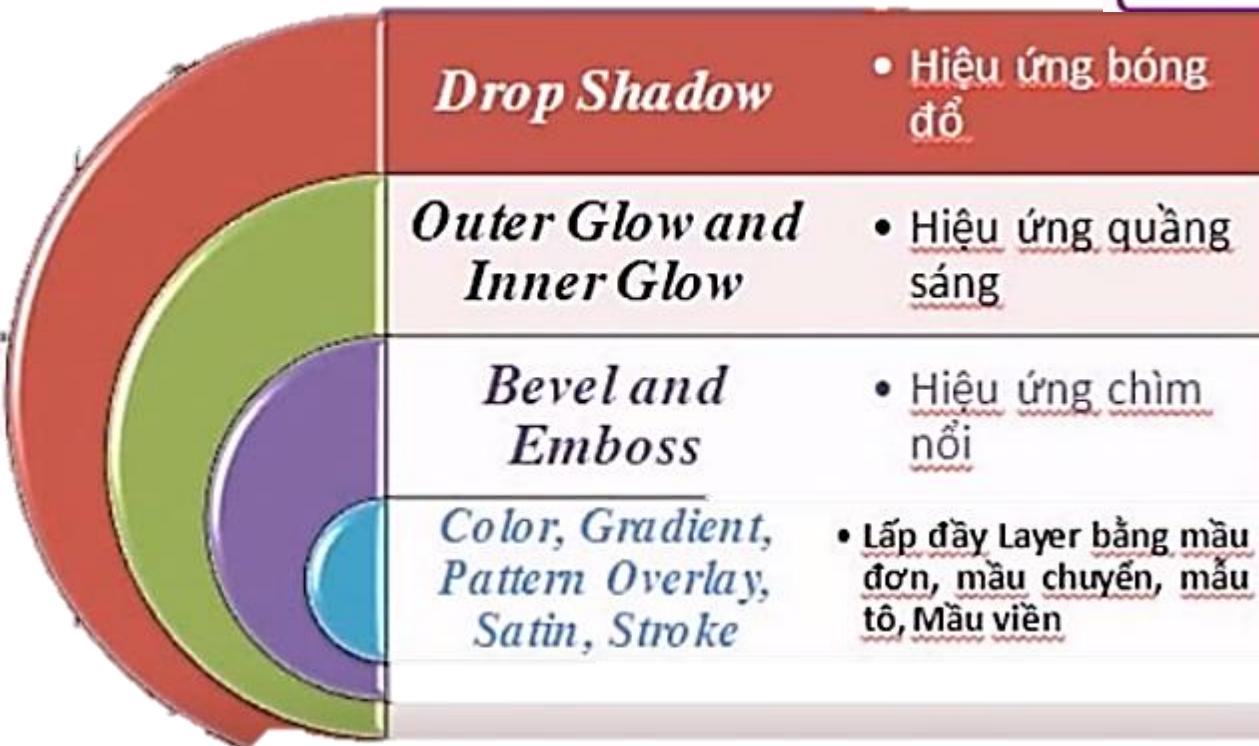
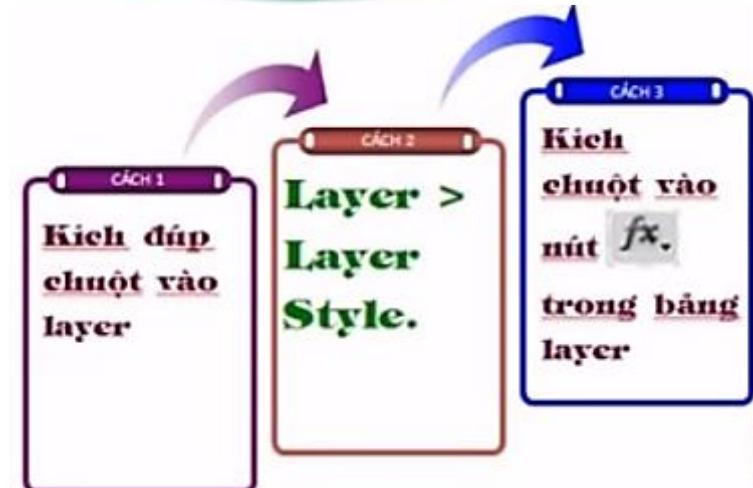
2

Một lớp có thể chọn nhiều hiệu ứng cùng một lúc

ThS. Phạm Huệ Minh

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



ThS. Phạm Huệ Minh

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024

## Drop Shadow: Hiệu ứng đổ bóng

The screenshot shows a Photoshop interface with a central canvas featuring a cartoon Santa Claus carrying gifts. A blue callout box highlights the 'Drop Shadow' option in the 'Styles' panel on the left. A pink callout box labeled 'Góc' (Angle) points to the 'Angle' input field in the 'Drop Shadow' dialog box. Below the dialog, a series of colored boxes maps Photoshop controls to their English names: Blend mode (Chế độ hòa trộn), Opacity (Độ mờ), Angle (Góc), Distance (Khoảng cách), Spread (Độ nhòe), Noise (Độ nhiễu), and Layer Knocks Out Drop Shadow (Layer Knocks Out Drop Shadow).

Drop Shadow:

- Blending Options: Default
- Drop Shadow**
- Inner Shadow
- Outer Glow
- Inner Glow
- Bevel and Emboss
- Contour
- Texture
- Satin
- Color Overlay
- Gradient Overlay
- Pattern Overlay
- Stroke

Drop Shadow

Structure

Blend Mode: Multiply

Opacity: 75%

Angle: -116°  Use Global Light

Distance: 13 px  
0 %  
5 px

Quality

Contour:   Anti-aliased

Noise: 0 %

Layer Knocks Out Drop Shadow

Make Default Reset to Default

CHARACTER PARAGRAPH

Times New Roman

OK Cancel New Style... Preview

ThS. Phạm Huệ Minh

Blend mode Chế độ hòa trộn

Opacity Độ mờ

Angle Góc

Distance Khoảng cách

Spread Độ nhòe

Noise Độ nhiễu

Layer Knocks Out Drop Shadow

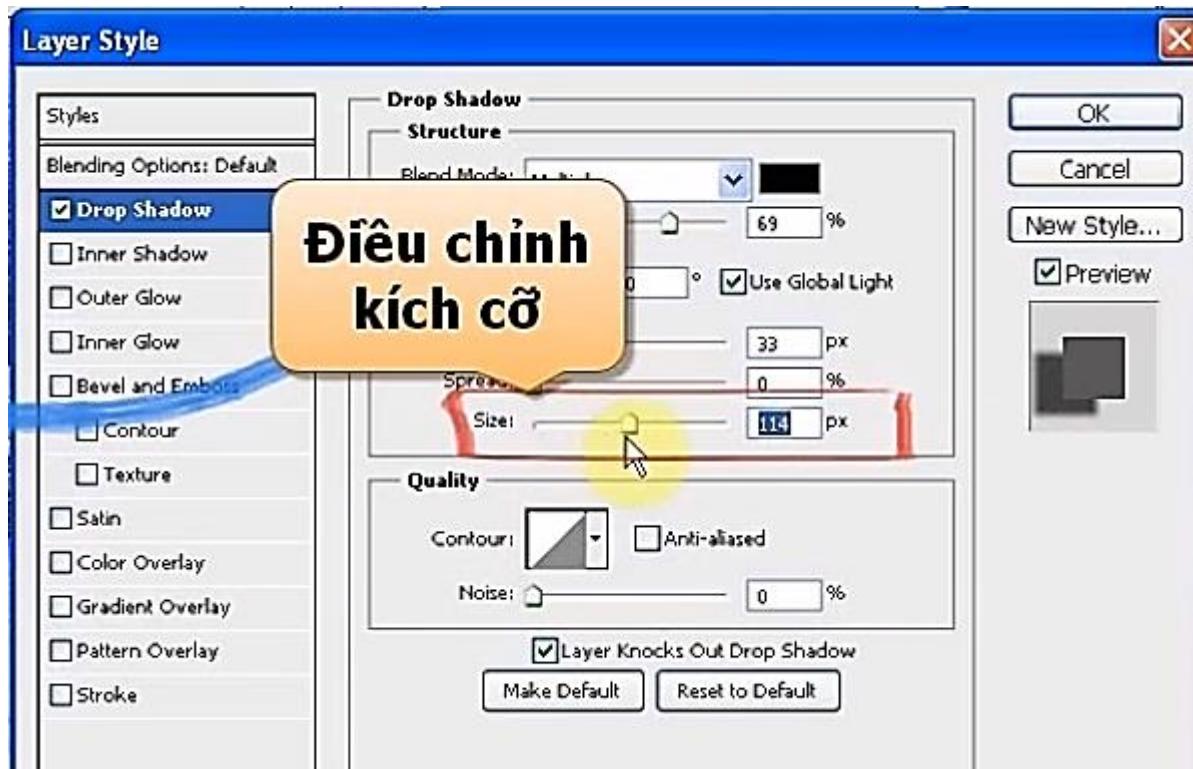
Screen

67

MASKS

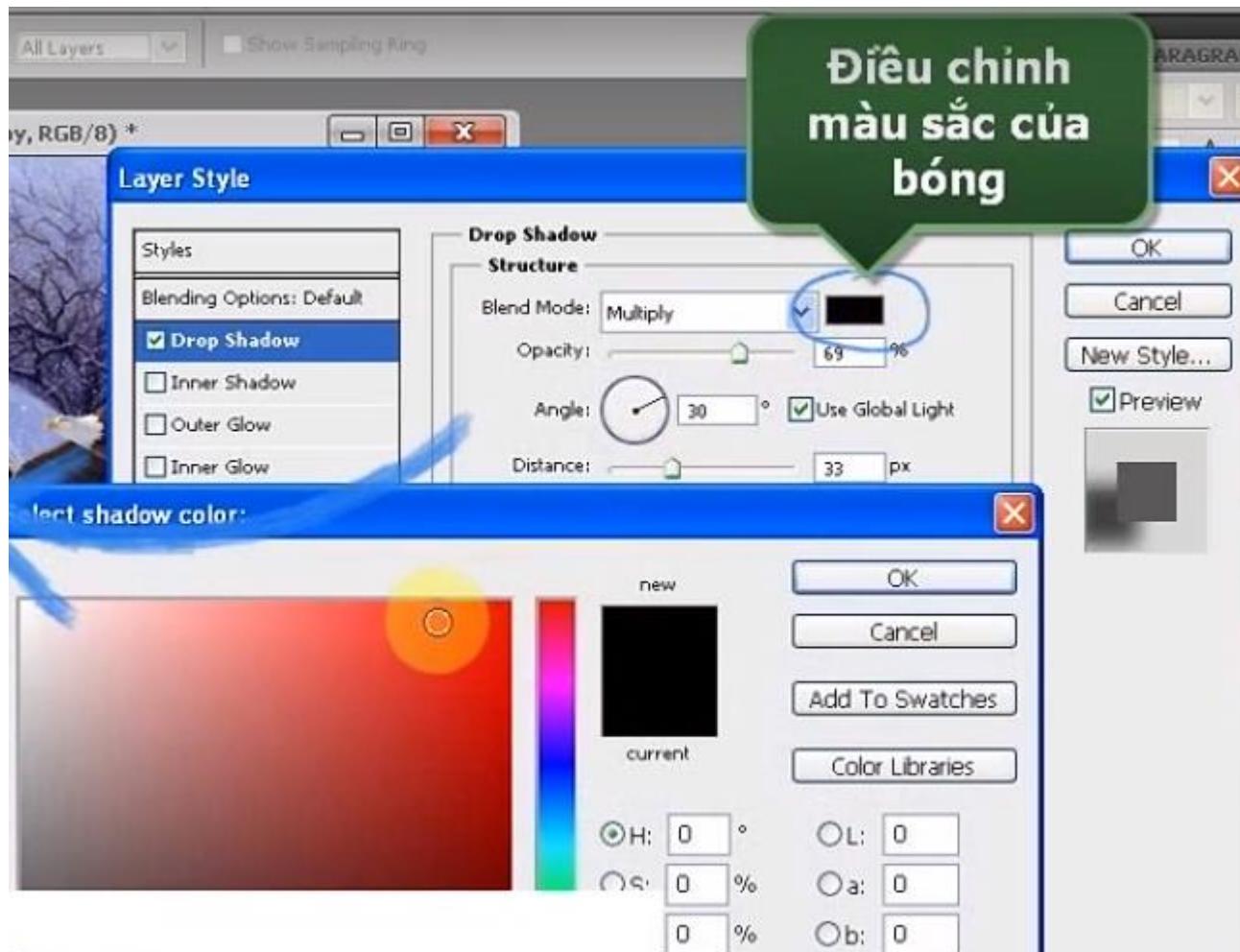
# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



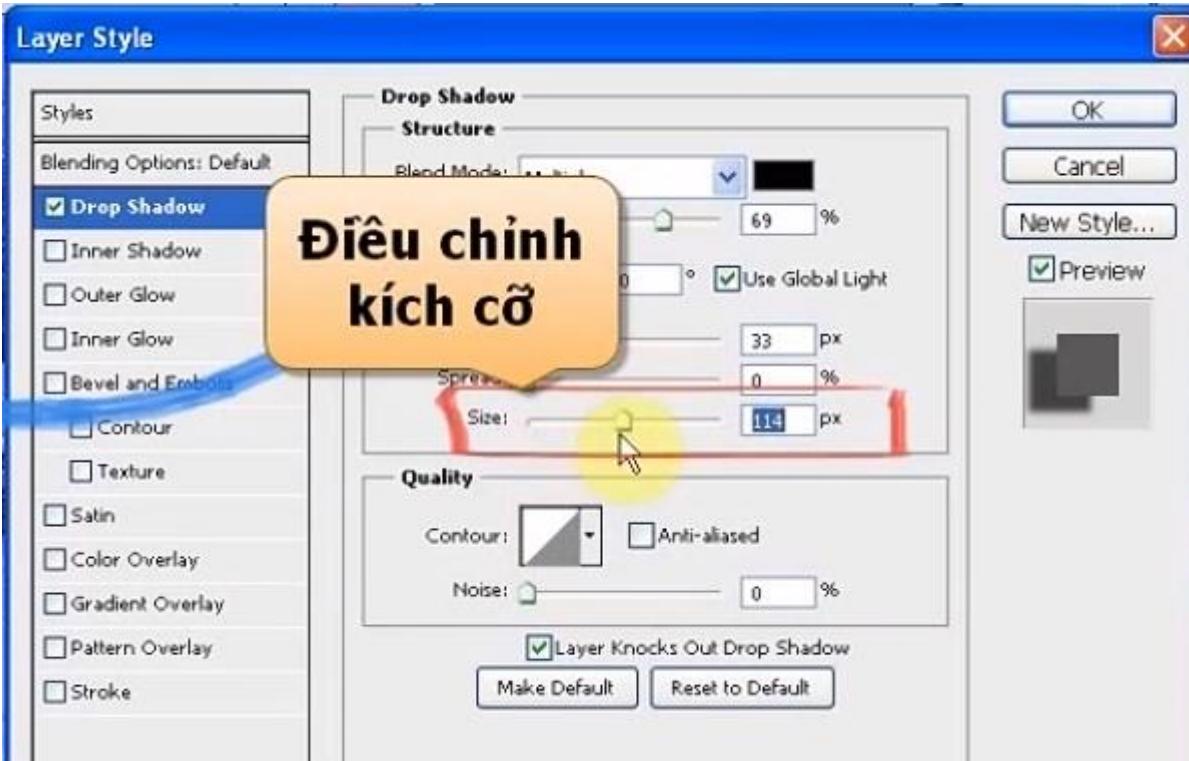
# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024

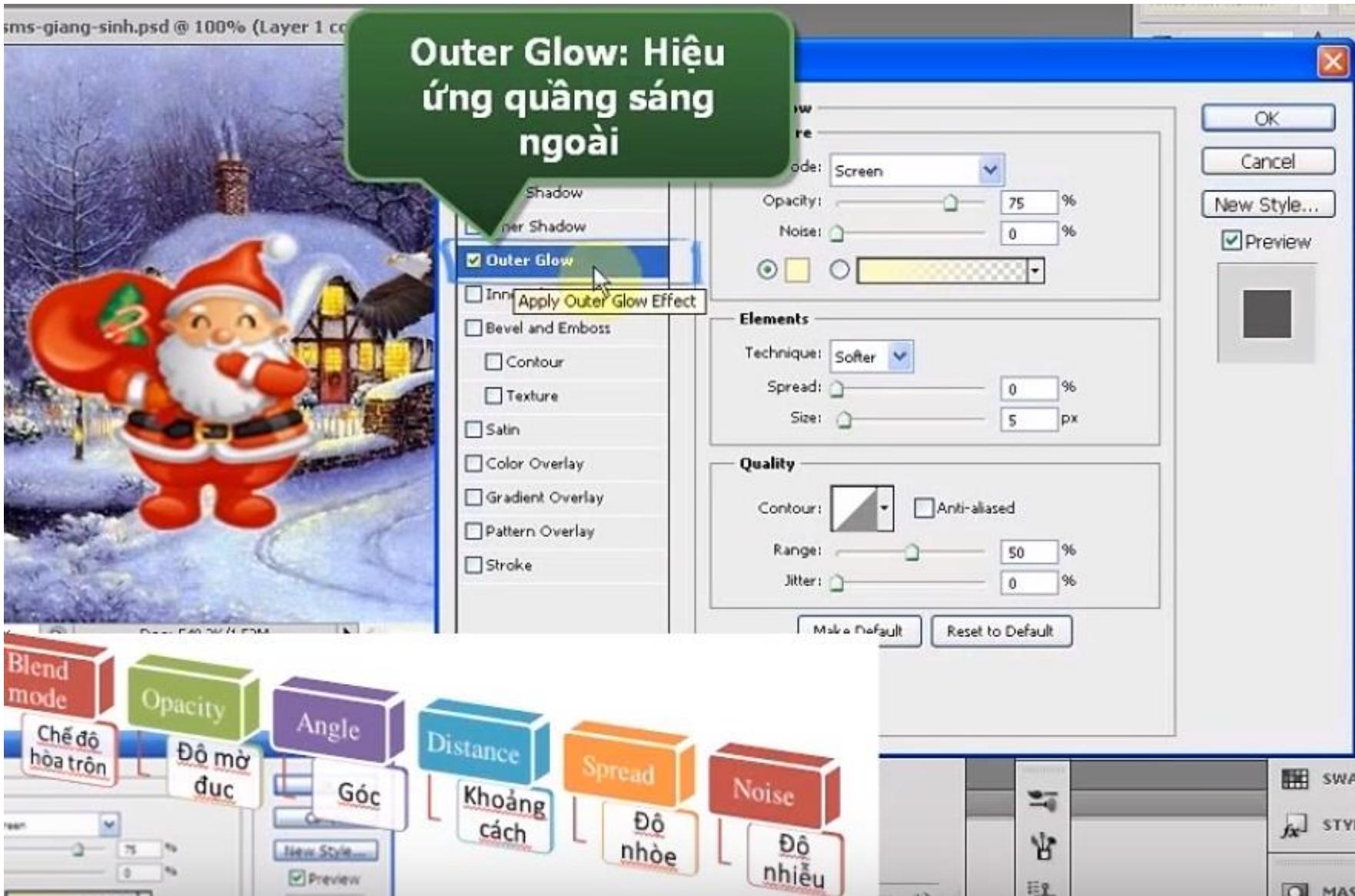
Inner Shadow:  
Hiệu ứng bóng  
đổ phía trong

Với các lựa chọn tùy  
chỉnh tương tự

The screenshot shows the Photoshop interface with the Layer Style dialog open. The 'Inner Shadow' checkbox is selected. The dialog includes settings for Blend Mode (Multiply), Opacity (75%), Angle (-133°), Distance (43 px), Choke (0%), and Size (5 px). A 'Preview' checkbox is checked. Below the dialog, a diagram maps various style options to their corresponding controls in the dialog. The options shown are Blend node, Opacity, Angle, Distance, Spread, Noise, and several others like Drop Shadow, Outer Glow, etc., which are not highlighted.

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024



# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

Ps sms-giang-sinh.psd @ 100% (Layer 1 copy, RGB/8) \*

**Nhóm hiệu ứng màu sắc**

**Satin**

Structure

- Blend Mode: Multiply
- Opacity: 50%
- Angle: 19°
- Distance: 11 px
- Size: 14 px
- Contour:  Anti-aliased  Invert

OK Cancel New Style... Preview

**HIỆU ỨNG MÀU SẮC**

**STROKE: Tạo viền quanh đối tượng**

**SATIN**  
Độ trơn láng và bóng nước

**COLOR OVELAY** phủ màu đơn sắc

**GRADIENT OVERLAY** phủ màu chuyên

**PATTERN OVERLAY** phủ màu mẫu

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

**Layer Style**

**Styles**

- Drop Shadow
- Inner Shadow
- Outer Glow
- Inner Glow
- Bevel and Emboss
- Contour
- Texture
- Satin
- Color Overlay
- Gradient Overlay
- Pattern Overlay
- Stroke

**Color Overlay**

**Color**

Blend Mode: Normal

Opacity:  %

Preview

**HIỆU ỨNG MÀU SẮC**

**STROKE: TẠO VIỀN QUANH ĐỐI TƯỢNG**

SATIN  
Độ tròn l่าน và bóng nước

COLOR OVELAY phủ màu đơn sắc

GRADIENT OVERLAY phủ màu chuyển

PATTERN OVERLAY phủ màu mẫu

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

**Layer Style**

**Gradient Overlay**

**Gradient**

- Blend Mode: Normal
- Opacity: 100 %
- Gradient: (black-to-white)
- Style: Linear
- Angle: 90 °
- Scale: 100 %

Align with Layer

Make Default

Reset to Default

Gradient Overlay

Pattern Overlay

Stroke

**HIỆU ỨNG MÀU SẮC**

**STROKE: Tạo viền quanh đối tượng.**

SATIN  
Độ trơn láng và bóng nước

COLOR OVERLAY phủ màu đơn sắc

GRADIENT OVERLAY phủ màu chuyển

PATTERN OVERLAY phủ màu mầu

OK

SWATCHES

STYLES

MASKS

77

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024

The screenshot shows the Photoshop interface with the 'Layer Style' dialog box open over a background image of Santa Claus. The 'Pattern Overlay' tab is active. The 'Styles' panel on the left lists various effects, with 'Pattern Overlay' selected. The 'Pattern' section in the dialog box includes 'Blend Mode' set to 'Normal', 'Opacity' at 100%, a 'Pattern' preview showing a checkered pattern, a 'Scale' slider at 100%, and a 'Link with Layer' checkbox checked. Buttons for 'OK', 'Cancel', 'New Style...', and 'Preview' are visible.

**HIỆU ỨNG MÀU SẮC**

**STROKE: Tạo viền quanh đối tượng**

SATIN  
Độ trơn láng và bóng nước

COLOR OVELAY  
phù màu đơn sắc

GRADIENT OVERLAY  
phù màu chuyên

PATTERN OVERLAY  
phù màu màu

ACTI

File 100% Phạm Huệ Minh

78

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

**Layer Style**

**HIỆU ỨNG MÀU SẮC**

**STROKE: Tạo viền quanh đối tượng**

**SATIN**  
Độ tròn láng và bóng nước phủ màu đơn sắc

**COLOR OVELAY**  
phủ màu đơn sắc

**GRADIENT OVERLAY**  
phủ màu chuyên

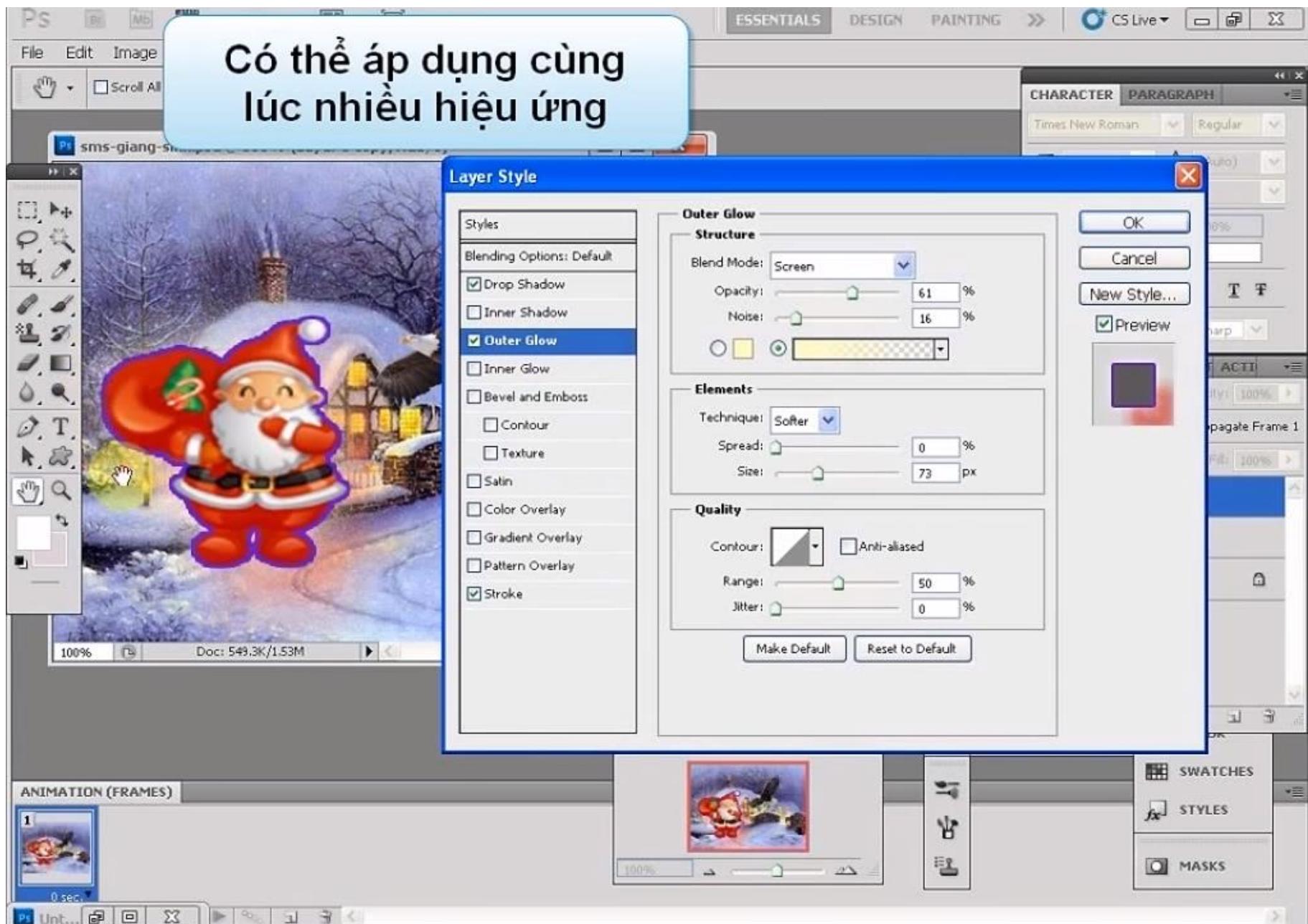
**PATTERN OVERLAY**  
phủ màu mẫu

79

# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

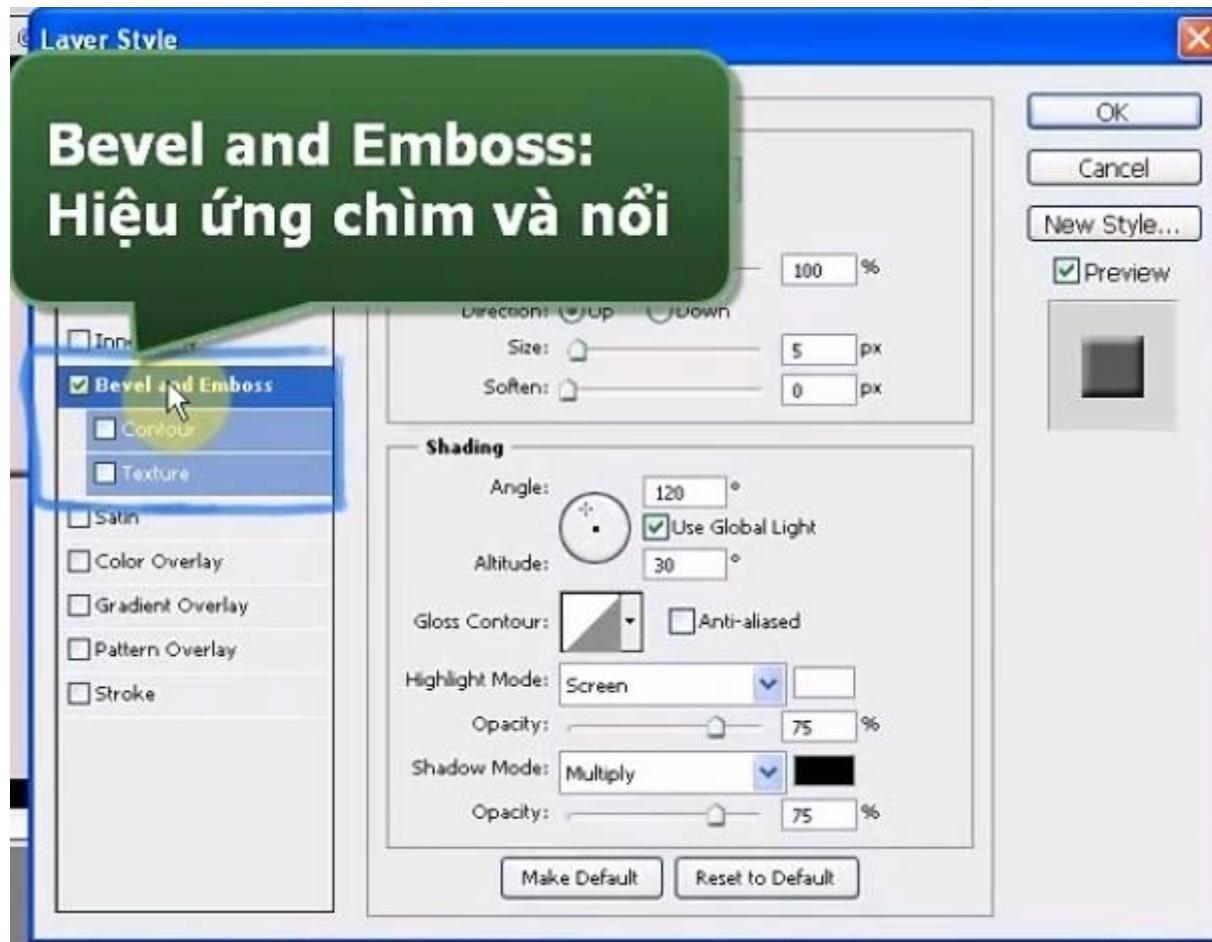
9/2024

Có thể áp dụng cùng lúc nhiều hiệu ứng



# HIỆU ỨNG LỚP (LAYER STYLE)

9/2024





**Thank you!**  
**ThS. GV Phạm Huệ Minh**